

TẬP SÂN THICA

Tâm Thúc

Huyền Thạch

Quách Tấn . Bùi Giáng

Vũ Phan Long

A Khuê . Lê Nghị

Tuệ Sỹ

Trần Xuân Kiêm

Nguyễn Câu Mục

Nguyễn Lương Vỵ

Võ Chân Cửu . Phạm Mạnh Hiên

PHÊ BÌNH THƠ PHẠM THIÊN THỦY, NGUYỄN VĂN NGHỆ, BÙI

GIANG, PHẠM TRÚC TIẾN

THÂN TIÊN & THỊ SỸ

- 1 Tâm Thức . Sự Dấy Vĩ Tịch
 4 Huyền Thạch . Tín Sương Long Nướng
 25 Bùi Giáng . Thảo Tiên
 30 Tuệ Sỹ . Sự Huyền Hoặc Của
 39 Quách Tấn . Khóm Mây
 54 Phạm Mạnh Hiền . Bùi Giáng Trong
 7 Võ Chân Cửu . Quấy Dã
 13 Trần Đới . Sân Quanh Núi
 14 Vũ Phan Long . Dây Hồn
 15 A Khuê . Thiên Thần Không Bón
 18 Lê Nghị . Tiếng Hát Bùng
 20 Trần Xuân Kiêm . Tiễn Người
 22 Nguyễn Lương Vỵ . Những Trần
 24 Phạm Mạnh Hiền . Thiên Đàng Người
 68 Nguyễn Câu Mục . Phê Bình ĐTVT của Phạm
 75-80 Huyền Thạch . Đọc Thơ Ngô Nguyên Nghiễm . Du Tử Lê .
 Lam Giang . Phạm Trích Tiên

TẬP SAN THICA

Chủ trương : NAM CHỮ PHẠM MẠNH HIỀN

Trị sự, bài vở : VÕ CHÂN CỬU

Liên lạc tạm thời : 42/2 Trương Tấn Bửu Phú Nhuận

Biên Tập

NGUYỄN CẦU MỤC, VÕ HỮU ĐỊNH, HUYỀN THẠCH
 TÂM THỨC, VŨ PHAN LONG, NGUYỄN LƯƠNG

<https://tielun.hopto.org>

SỰ ĐẦY Ẻ TUYỆT CẢM

TÂM THỨC

1. Tự đầy ẻ suốt một đời người là nghệ thuật. Thế giới ấy, nghệ thuật, trên đỉnh cao hay dưới thấp, cùng đều có thể phủ dụ người. Cái vực thật sẽ cuốn mất hút, luôn luôn. Không một mê hoặc nào kỳ diệu hơn thế nữa. Thế thì, phải có từ một chỗ tối đưa ra chỗ sáng. Thăm thẳm. Hẳn là như vậy.

Cái Chữ cái Nghĩa. Không một tiếng nào là không có Nghĩa. Bao nhiêu Chữ, ngần ấy cái Nghĩa, ngần ấy cái Mẫu Trời Tâm Hồn — Thế Gian — Số phận của Chữ. Lớn thay !

Thời gian ! Cái tiếng cuồng ngao ở khởi đầu và kết thúc ở sáng tạo.

Tự đầy ẻ mình trước những cái Chữ, những cái Nghĩa xưa nay, quay cuồng, những cái mốc hỗn độn, bất khả. Là gì ? Đầy ẻ chăng ?

Thay đổi sao được giữa Ta và Vũ Trụ. Hoạt náo chẳng tiếp diễn mãi là gì. Không hẳn để có một cái cơ. Cái cơ tự phần nghệ thuật. Đỉnh cao vẫn là Đỉnh Cao. Còn như đã chắc đầu cái Mẫu Trời ; cái Tâm Tương Quan ; cái Tất Cả của Tất Cả là Một. Một là của ? Nó là của Ta hay Người ? Những cái dư, cái thừa ? Nên chăng ?

Yêu các tiếng. Yêu một tiếng. Nhắc lại, nhắc lại nhiều

lần lấy làm khoái trá. Như họa sĩ yêu một nét, một hình thể, một màu. Rất trọng yếu.

Aimer les mots. Aimer le mot. Le répéter. s'en gargariser. Comme un peintre aime une ligne, une forme, une couleur. Très important — Max Jacob.

Kỹ thuật chưa có thì không có nghệ thuật. Mà Ý và Lời đạt rồi; kỹ thuật và nghệ thuật, chỉ là một. Đã bảo. Cái Trò Chơi to lớn, ghê gớm thế nào. Nghệ thuật vĩnh cửu hiện hữu, đây đây, tròn trịa (Nhưng đã có mấy ai? Người?) Tiên phong trước cuộc đời ăi. Một cuộc chơi hòa âm khôn lường thiên cổ. Cái Tùy Thấu Thị Cuối Cùng. Cái Tùy Kết Thúc. Không gián đoạn giữa quãng đời thực với quãng đời sáng tạo. Bề rồi. Từ đó yêu cái Tâm; cái Ý; cái Lời Sáng; Cái Màu Trời Hồn Nhiên trong Vũ Trụ.

Ngọn ngành của nghệ thuật đã là hành động trọng yếu. Trọng yếu hơn hết chăng? Tiến lên phía trước là sự đây ăi tuyệt cầm. Như tự do của khí trời trên mặt đất, luôn luôn tự do. Hỡi ôi, Đỉnh Cao là cái số cái quả triệt để!

A. Rimbaud, người đã chọn lựa một thái độ kiên quyết can đảm, một *khí phách* tàn bạo diệu kỳ. Đó là cuộc viễn du suốt cuộc đời nghệ thuật của chàng, *tự giải thoát lấy mình*. Chàng là một *voyant*. Một *voyant* in đậm sự bất khả của Địa Ngục. Chọn những Chữ, những Nghĩa trong địa-ngục-cõi-người-ta là sự đây ăi ghê gớm mà không thể chối bỏ được. Sa mạc mệnh mông là giấc mơ lớn của chàng, rượt đuổi đến chết. Chàng chết khi còn trẻ. Một phần đời chàng là Địa Ngục. Có mấy ai hiểu Địa Ngục hơn thế nữa?

Je me crois en enfer, donc j'y suis...

Thế thì cái Lời của chàng thốt ra giữa lúc điêu linh kia là cái gì?

Tại sao Thy Nhân, kẻ ấy là *volcur de feu*? Một kẻ cấp lửa? Một đạo nhân? Nền chăng?

2. Tinh và Lý thiêng liêng có hiểu được? Có nghĩa nào để giải? Mà thôi. Cái cơ ấy chỉ để so Ta với cái Khí Trời Đất.

không có cái Luận. Đã nói cái Khi ngút trời rồi. Có chăng, Quý, Thiên Thần, đều đủ cả. Nó trí thân con người vào, không ngờ. Nó bắt đầu khi cuộc đầy ải (tự đầy ải) lớn ra, an rộng.

Chỉ mỗi còn lại tiếng đập cánh rập rình, thơ mộng, hồn nhiên, hùng vĩ của chim Phượng Hoàng. Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất.

Trong hệ từ thi ca của Rilke, Rilke cũng xác nhận

Làm linh hiện và hiển thánh

Chỉ còn tiếng hát trên mặt đất

(Thơ gửi về Orphée)

Hỡi ôi ! Cái Đỉnh Cao nhất thế nào !

TIN SƯƠNG LUÔNG NHỮNG RÀY TRÔNG MAI CHỜ...

HUYỀN THẠCH

A

Gió lạnh từ phương Bắc thổi xuống từng đợt. Trưa, nắng nhiệt đới rung rinh giữa một không gian muốn đời quấy động. Thời tiết như đang trở mình để hình thành một biến đổi toàn diện. Trái đất, liệu có quay nghiêng thêm một chút nào chẳng? Và trên đó, cái khối nhân loại khổng lồ vẫn mãi miết quay cuồng, không hề ý thêm một chút nghiêng ngả giữa lòng không gian. Mà đề ý, đề làm gì? Tự nghìn triệu năm nay, những hỗn loạn là chẳng hề đưa tới lặng lẽ, yên tĩnh hay sao?

Nhưng riêng Thi Nhân, kẻ sống với hình bóng dang trước, và ôm giữ tro tàn của quá khứ sau lưng, liệu có cảm thấy một cái gì bất ổn trong nhịp đập của con tim, hơi thở của bầu không khí mới. Một cái gì chưa thành hình, hay muốn đời không tới, nhưng vẫn nồng nhiệt trong tâm can, mà sự diễn tả muốn đời vẫn chỉ là *những náu kéo cửa vô tận và vô ích*,

.. Gió. Lạnh trong nắng. Trên trời cao, chỉ có những đám mây tàn bay đi mãi mãi

B

Tính chất mãnh liệt nhất của thời hiện đại, sự hủy diệt

máu chóng. Hình như chúng ta đã tốn cả một thời gian dài chờ đợi tới một thời kỳ như thế. Những biến động xã hội nỗ lực đẩy thêm một cách mạnh mẽ, làm tính chất ấy có lý do bành trướng và trở thành hấp dẫn cao quý. Thi sĩ cổ điển tả những rung động tuyệt vời trong giây phút bùng lửa nhấp nháy ấy, chưa đủ. Họ còn gào to để mọi người tin theo, bất chấp nội lực đã đủ để chịu đựng hay chưa... Họ hăng hái. Tôi làm tập thơ ấy trong nhà tiêu, ở một phút ngộ nhập ngân ngủ. Hoặc : Hồn đã viết những vần thơ trên trước khi lần cuối ra chết.

Những phát biểu như vậy chỉ làm cho biển đau thêm tang thương, lòng người thêm khép kín. Tất cả cuồng hoặc trong tin điều : *tự tay ai để bắt gắp, tự hành hạ để lời chửi tận cùng, thấy hư vô*. Những nghịch lý được thi hành một cách ngu muội : *Vào rừng xanh tôi sẽ tàn phá cổ cây để nhai ra màu xanh vĩnh cửu, Phụng Phật Sát Phật bất kể lúc nào và ở đâu, Tương yêu vợ con, đồng loại nên phải đối xử tàn bạo, để đi tận bản năng đã thú*.

Đành rằng đó có thể là những sự thật muôn đời của kinh nghiệm sáng tạo. Nhưng những kinh nghiệm ấy hãy giữ lấy một mình và phải tự chứng nghiệm. Thời Không, Biển Dịch đau phải đề biện minh cho sự tự lừa dối ?

C

Lời như nước chảy mây trôi, như bập bùng mìa đuốc. Kẻ còn ở trong những giới hạn tất nhiên của một kiếp người, có mấy khi tới được chốn của nước chảy mây trôi. Sao vẫn muôn đời đi tìm những quy định cho mây gió, mầu mực của bao la ?

Chỉ có thể là Thơ khi chất liệu của trần gian chảy qua máu xương người Thi Sĩ và trở lại là mây khói hư không. Giữa hai tầng trên dưới, Đẹp là chốn Thăng Bồng. Thơ dào dạt thuần cái Đẹp, đâu chỉ là Nhạc.

Nhạc của Trời mở tự thiên thu. Khi của Thơ chơi bao la vô hạn. Cửa Kho Vô Tận Biết Ngày Nào Vội. Nhưng Lời Nhạc phải là não óc máu xương. Thần Tiên là con tâm Thi Sĩ, như thịt da chứa mang cốt tủy, gần bó trong một hòa điệu nhịp nhàng.

D

Chỉ riêng bậc Thánh mới biết yên lặng. Chúng ta chỉ là những Người, Yên Lặng đâu đã đủ.

E

Có không một linh cảm Thi Ca, giữa mai sau và xưa cũ :

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ...*

Hay chỉ riêng một tấm lòng đối diện với Bao La

G

Rốt cuộc của Thi Ca, phải chăng Một Tấm Lòng và Cảm Ứng.

QUẢ ĐÁ QUA ĐỒNG

VÔ CHÂN CỬU

*Ngày xưa đá bầm khi trời
Xuống coi dấu biển đổi đời ra sao
Đời xưa huyền sự chiêm bao
Đời này sương gió rì rào sử xanh
Ai nằm lắng cả năm canh
Tĩnh ta thấy nắng vàng hanh cuối ngàn
Gió vờn mảy cánh hoa lay
Tang thương kim cổ phôi bày phôi pha
Một hôm nghe giữa quê nhà
Đồng xưa vang vọng khúc ca nửa chừng.*

Tiếng ca :

*Trời xanh Nam Hải
Khởi mòng lung
Xô động hư vô
Mây vạn tầng
Chiều hôm sóng nước
Thì nhau nhạt
Sôi lãng hình ai, hề
Hóa Công*

*Soi cái hồn ta, hề
Mình mòng
Sôi suốt thiên thu, hề
Thình không
Qua chiều phương nam bay xao xác
Mây về phương nào bay tan nát
Trăng con rùa đen đào chôn trong cát
Trăng con thần ụng
Phơi trên non chớp
Ta nằm muôn năm
sao chưa í hay lố.*

*Trời chết trong không
Kìa mai hay mốt
Trăng tàn nơi nơi
Mai sau muôn xưa
Ta uống tình sương hề bao nhiêu hớp
Thốt với bao ta hề khuya hay trưa*

*Sao nằm in hề
Ngu ngu ngờ ngờ
Mật mờ mật mờ
Tĩnh tĩnh mơ mơ*

*Sao ta chưa bay lên cao hề
Trời xanh xưa hẹn ta hề*

Tập San Thi Ca

*Trời xanh nay lừa ta hề
Đất trịch chiêm bao cho ta hát ngao hề*

*Con thần ưng ơi con thần ưng
Con trần linh ơi con trần linh
Người chơi cùng ta hề
Người múa lung tung hề
Trong chốn vô minh hề
Người làm ta điên hề
Người làm ta quên hề
Đâu hề bao đời
Ta say mê chơi
Mặc ai đổi đời
Đêm ta hát người vỗ cánh hề
Đêm ta múa người phun ngọc hề
Bày ra một cõi chưa từng có hề
Trời xanh ghen hề đất ganh tề*

*Con thần ưng người bay đâu rồi
Con trần linh mang ngọc lên trời
Mưa tuôn trên đầu ta hề
Nước xó lòng ta đau hề
Ai xoi tìm ta
Chiều nay cựa mình hề
Nghe nhưng nhức hề
Ta với mặt đất hề
Chia chung niềm đau
Một bầu lau nhau
Tiếng khóc ban đầu*

*Trái đất xoay xoay
Bóng ta lung lay
Sao ta không bay hề
Tiếng u u vang vang trong đầu*

Tập Thần Tiên và Thi Sĩ

Lắng nghe ta bao nhiêu tình cầu
Xưa kia mây là hơi hờ
Ngày sau mây lại tan thành hơi hờ
Tha hồ bay đi chơi hờ
Trăng soi muôn đời
Lạnh quá hờ
Trăng ơi trăng ơi
Vì ta mà mi rơi

Đêm đi rồi, trăng lặn mây tan
Mang mang hờ ta càng ta càng
Sao không nở hờ
Sao băng ơi sao băng

Con thần ưng mi kêu quang quác
Cái linh hồn bay trong bát ngát
Hãy nằm im nơi đây cái xác

Ai ngày xưa quấy ta đi hờ
Sao nay không về
Không gian tròn bao nhiêu hờ
Trái đất vuông bao nhiêu hờ
Dấu chân ai nay thành hờ
Thành suối thành sông
Hời ruộng hời đồng
Bao nhiêu cỏ mọc
Cỏ xanh như lông ta
Bao nhiêu nấm mồ ta
Quay quần quanh ta
Nấm mồ lớn nhất
Không chôn ai hết hờ
Nấm mồ sau chót
Chôn lút trời xanh

Sóng xô nhạt nhạt tu hát ta nghe
Ca suốt ngàn năm ca động bốn bề

Ai sang bến hoặc ai xuống bờ mề
Đá hề đá hề
Ưu hề minh minh hề
Sóng ngầm không ngớt, có hay ta rớt
Từ dưới vực sâu hay lên chót vót
Trời đâu bỏ ta hề
Trời gây hư không cho ta chơi hề
Trời làm hoang vu cho ta coi hề
Cội thật chỗ nào hề

Sao ta nặng lòng với nhân gian
Sử mạng chỉ đâu hề
Nghìn năm ta ngồi nghe âm vang
Cổ kim điều tàn ta đi mộng ảo

Trời đâu nói láo hề
Tự ta soi thấu
Con thần ưng ơi con thần ưng
Trừng mi để nơi non chóp
Ta ôm ta ấp
Nở cùng trăng sáng muôn thu

Trời xanh Nam Hải
Khói vi vu
Soi động hư vô
Mơ nhạt một bầu
Lặng ngắt mệnh mang câu ca câu hát
Nghe ta xoay vòng
Thiên địa về đâu

Lắng tiếng cò

Tập Thơ Tiên và Thi Sĩ

Thơ rằng :

**Mấy tầng sương khói lỏ nhỏ
Trời xanh xanh ngắt có chờ ai đâu
Thả lòng lơ lảo mấy câu
Gởi cùng mây bạc trắng phau một mình**

**Nằm nghe đá hát u minh
Thơ thay con mắt ngộ rình hóa công
Bóng ai quẩy đá qua đồng
Sầu xưa uất nằng giữa lòng nhân gian.**

SẦU QUANH NÚI DÀI

TRẦN ĐỚI

Nhớ hoa vén núi bao mùa
Sầu bay theo lá rụng qua tháng ngày
Bụi trời lơ bước trong mây
Còn thương cánh đất lẽ bầy ngoài trắng
Tìm em cánh lạc non thần
Đào tiên ai nở bên rừng bướm qua
Hai giòng lệ nhớ thiết tha
Một màu mộng vỡ giọt sa chân cầu
Bên chiều nắng rộng lách lau
Tưởng hồn xuân cũ nhập màu bình minh
Nhớ hoa gợi gió lên cánh
Thu chiều rót giọt sầu quanh núi dài

LÊNH ĐỀNH NGUỒN TỎ

Chim về chiều đuổi sương mây
Lênh đênh nguồn tở luy ngày mù treo
Sầu hoang bát ngát qua đèo
Trút hồn nham thạch nửa triêu suối quanh
Động mùa lá ngủ tâm thanh
Mộng bừng sắc lạ cuối cánh say hoa
Nghìn trùng nghiêng cánh chiều qua
Giọt sầu vỡ đáy mắt nhòa nắng xưa

TIẾNG CHIỀU

Tiếng xưa mở núi xanh về
Gọi dài hoa lá chiều nghe suối vàng
Cõi nguồn phẳng phất dư vang
Nhớ tràng viễn xứ giọt mơn gió lui
Sầu xưa bát ngát qua môi
Nở quanh xương máu nụ cười biển dâu
Gió chiều tê tái chiêm bao
Trút về đỉnh núi gọi màu hoàng hôn.

ĐÁY HỒN CHIỀU

VŨ PHẠM LONG

*Vết nắng : mắt đèn thiu
Âm âm cánh tháp đổ*

*Rụng giữa đáy hồn chiều
Vang vang lời thiên cổ
Trong tà nắng hắt hiu*

MÂY TRÔI

*Thơ thần ánh mây trôi
Dưới trời thu man mác
Về đâu một giếng nơi
Đá tàn bia cổ tháp.*

THIÊN THẦN KHÔNG BÓNG KHÔNG HÌNH

A KHUÊ

Là thi sĩ thiên thần
Ta hôn từ sức kinh
Nôn nao từng giọt máu
Chết từ đạo bình minh

Đời sao hoài quanh quẩn
Chết âm thầm muôn đêm
Nốc cạn bao bình rượu
Không thấy bóng thấy tên

Là thi sĩ thiên thần
Ta mảy chốc cuồng điên
Gầy cung vàng tuyết nguyệt
Đón hồn về trái tim

Thương có hồn đơn lẻ
Ta rũ rượi lang thang
Hồn ta ai chia sẻ
Tình ta ai hỏi han

Là thi sĩ thiên thần
Ta hoảng hốt từng cơn
Ô hoa cài trên tóc
Bảy giờ đã héo hon

Ta ước về đi về
Đường xanh tóc lẻ thê
Áo chân bay với với
Hồn rất im lặng nghe

Tập Thần Tiên và Thi Sĩ

Là thi sĩ thiên thần
Trong xác một kẻ cầm
Chưa bao giờ ngược mắt
Để nhìn người đăm đăm
Đôi khi sẵn sượng quá
Ta cáo cầu khôn người
Hồn đau và xác giả
Phun máu cũng không thôi

Là thi sĩ thiên thần
Ta chiêm ngưỡng bi thương
Như tin đồ ngoạn đạo
Quê trên đất hành hương

Này ốc và tủy ta
Chưa héo như loài hoa
Hãy ngủ yên chờ đợi
Giờ hạnh phúc sắp qua

Giờ hạnh phúc đi qua
Các người hãy vội ra
Nhảy hát bài ca lớn
Trong vô cùng tinh hoa

Ôi chao người đẹp thay
Cánh chưa sao thẽ bay
Vị cầm vang réo điệu
Trên da thịt ngất ngây

Ôi chao người là mộ
Đắp kín linh hồn ta
Khi ta còn đang sống
Giữa kẻ chết hóm qua

*Mồ đẹp để vũ điệu
Người nâng niu dáng hương
Con người ta giọt nể
Nhỏ xuống thoát ra hương*

*Dù đời ta rất xanh
Dù đời có mong manh
Ta vẫn hằng khát khưỡng
Trong cũi cõi gian trần*

*Khí sương mù u ám
Linh hồn hiển hiện về
Say sưa lời ca nguyện
Gương soi giải lụa thề*

*Ta là không bóng không hình nàng ơi
Sao ta đầy ải cuộc đời trăm nơi
Ta còn đây hay ta mất hút
Trong nhà lớn bao la đất trời.*

TIẾNG HÁT RỪNG CHIỀU

LÊ NGHI

Tiếng hát rừng chiều
Buồm xưa rắng đỏ
Bến xưa tụ gió
Trăng vàng cỏ liêu
Nước ngấm kẻ đá

Rừng tiếng vạc chiều
Em soi dáng nhỏ...
Tìm nhẹ đôi trâm

Tiếng gấm voi rừng
Bờ chiều lửa đỏ
Hỏi rằng ngày nọ
Ngọc vẫn cát lằm
Một đi hồ lỡ
Em xuống nội xanh
Mắt suốt em nọ
Hoa cúc bờ ghềnh
Nửa dòng chim thu
Và cánh bướm rừng
Còn vết sương mù
Ngày trôi về ấy...

Biển gấm Trường Sơn
Thái Bình trắng dậy
Vỗ sỏ thức ngủ
Bóng hồng cầu xưa
Đề dấu về trời
Dòng Hương nước chảy...

Em lên bờ đá
Giặt lụa tháng ba
Hoa lê trắng diêm

Sông mùa Ngọc tìm
Nước vô đôi bờ
Trời bầu thạch bích

Chim qua dòng thơ
Áo nào đã dệt
Ngày xuống nhịp hồ
Mưa rừng cõi ấy...

Quê nhà sau non
Bóng chưa tìm thấy
Nửa phiến trăng tròn
Long lanh đáy nước

Dòng chiều chảy ngược
Trời đất trôi xuôi
Bờ rừng lại gió

Tiếng hát rừng cổ
Sông đá mênh mông
Mép thu hoa nở

Gọi em phương nọ
Tháng lục năm lầm
Thuyền trôi biển Bắc

Ngày xưa tơ tâm
Tìm chi thất chặc
Đầu lúa tháng ba
Trăng vàng lại sớm

Em cài trâm trắng
Lòng vui gió rộng
Giấc bướm chim bằng
Đất trời lồng lộng
Hồn xuân về đâu...

TIỀN NGƯỜI MÂY BẠC

TRẦN XUÂN KIỂM

Mai tôi đưa người về cuối không gian
Mai tôi đưa người lên chốn núi ngàn
Và tôi sẽ khóc khi người đến
Giữa chốn rừng cao mây bạc tan
Hãy để tôi ngồi im tưởng tượng
Đưa người một buổi sớm tinh sương
Chắc chân bước chậm khi lòng vương
Những lười sầu giăng mắc muôn phương
Hồn chấp chùng nỗi gió mùa đông
Mái tóc thơm hương đêm đang nồng
Tôi sẽ đưa người qua phố vắng
Trước lúc những vì sao tan vào hư không
Tôi sẽ hôn người hôn rất nhanh
Dưới trời sao và không gian xanh
Đôi mắt người chắc tràn đầy xa vắng
Khi thời gian trôi qua mỏng mảnh
Tôi đã đưa người hay chưa đưa
Sao trong im lặng những âm thừa
Khi trời thôi gió êm đêm quá
Vẫn cứ rung hoài trong hương xưa

ĐÊM NĂM BỆNH

Đêm năm bệnh thấy ta là mây
Rơi xuống tang thương trái đất này
Gởi chút hồn sâu thiên cổ lụy
Rời tan như vệt nắng cuối ngày
Đêm năm bệnh thấy em là chim
Bay giữa thính không bóng nguyệt chìm
Xếp cánh vẫy chào thiên cổ lụy
Rời rơi vào như chiếc lá im

Tập San Thi Ca

*Đêm nằm bệnh thấy em và ta
Cúi xuống hôn nhau bóng nguyệt tà
Cây cỏ ứa đời hàng lệ buổi
Là hôn em đã gặp hôn ta*

VU VƠ

*Giữa hai hàng sách nghiêng trang
Tóc em trăm sợi rối quàng bay xiềng
Hồn em, thực nữ, có nghiêng
Xuống nghe ta kể chút phiên muộn xưa ?*

Ở CUỐI CHÂN MÁY

*Chiều kia người đứng gác chuông này
Áo mỏng như lá sương khó bay
Khẽ chạm hồn đồng thiên cổ lạnh
Là hồn ta ở cuối chân máy*

NGUYỆT TRẦM

*Trăng tan trên vạt áo người
Bóng hoa bay giữa mộng đời hư linh
Năm đây trăng chiều riêng mình
Chút hương cổ ủa vô tình thoảng qua
Yêu người cảm mỗi tình xa
Mỗi đêm lặng ngắm trăng tà buồn tênh.*

NHỮNG TRẬN GIÓ

NGUYỄN LƯƠNG VY

*Ôi vốc hạc bay về bát ngát
Giấc ly hương tóc bạc nằm mơ
Bao nhiêu trận gió bắt ngờ
Xô tan bóng cũ mặt mờ hồn ta*

NGÀY NGẬP VẬT

*Ngày ngập vật hắt hơi dăm cái
Nhớ một ngày đại hải xa xôi
Vi vu thu tiếp hơi trời
Ngách sông ngã chợ chớ ngồi liếm đuôi*

CHÉP DÙM AI

*Chép dùm ai câu thơ sâu thẳm
Cõi phù sinh vầy hăm ngục tù
Đôi bờ trắng lạnh nghìn thu
Chết trong nỗi nhớ âm u kiếp người*

ĐÁ VÀ ĐÀN

*Đá đã trắng và đàn đã lắng
Khấp hồn ta mưa nặng nề sâu
Nỗi niềm hai gót trống nhau
Hại tay khép mở hai đầu hai nơi*

NGÀY NHỚ CHÁU

*Ngày nhớ cháu đau ngẫm núi lạnh
Y phân vấn sầu tạnh giòng sông
Mai sau về giữa bụi hồng
Không quên nhắc cháu đừng trông nắng chiều*

Tập San Thi Ca

GỢI MỘT AI

*Gió bức bách trong tờ giấy lật
Thu gieo trùng phờ phất nẻo xa
Quê người cố thổ tiêu ma
Trăng xé xích máu rừng hoa đêm nào*

NGÀN SAO

*Một ngày nao chiêm bao dưới mộ
Gió thay màu tạo ngộ xa xăm
Ngàn sao muốn kiếp về thăm
Củi hồn giòng lệ trời đêm chiếu nhìn...*

GIÓ VẪN THỜI

*Gió vẫn thổi và hồng vẫn nở
Ta vẫn mong tóc rối vẫn xanh
Trời tru đất diệt sao đành
Nghìn năm cái chớp bên vành sao kia*

MA SIẾT CHẶT

*Ma siết chặt hồn ai tan nát
Nước non ôi câu hát tang thương
Tuổi xanh gục chết bên đường
Máu tươi nức nở thiên trường hận ca*

GỢI Ý

*Gió lãnh đặng hai hàng tang trắng
Nhớ nghe em hư vắng đời nhau
Chắc chỉ nặng quai mà đau
Huyệt sâu trầm lắng tặng mau bây giờ.*

THIÊN ĐĂNG NGƯỜI Ở

PHẠM MẠNH HIẾN

*Nghe hồn rú xô tôi ngoài xác thịt
Nhớ trần xưa trắng lạnh thăm vô vàn
Này đây mắt ngàn tình cầu theo đuổi
Bay suốt đêm bay chói rạng cung vàng
Bao la quá ba ngàn hương ánh sáng
Khi no căng bụng phải ứ hoang mang
Mì có cả nhân gian tàn lạnh lỏi
Ý bùng lên thiên cổ sắp bay ngang
Tôi cũng mất cũng tan tành chi biết
Ánh sáng thôi huyền nhiệm nghĩa mệnh mang
A ha ! Kia, những trái trăng tiền sử
Chuyền dấu thời gian đi xóa địa cầu
Cho nó say trào bữa cõi lòng tôi
Đem chôn kín như đời chưa vỡ mảnh
Đáy thiên đường, đây cổ đại đơn côi
Sụp lạy hết vẹn tuyền bên đấng thánh.*

THẦN TIÊN VÀ THY SỸ

BỒI GIẢNG

THỜI GIAN CỦA THẦN TIÊN HAY THỜI THỀ CỦA TIÊN THẦN

Người ta nói «gió thổi». Người ta cũng nói «gió đi». Gió đi mà sấm động (phong hành lôi động). Và cái gì xảy ra từ đó ?

Thần tiên bảo «phong hành lôi động, tử hữu tín ư trùng ngư».

Ấy là tặng vật. Tặng vật cho là là ?

Nhưng nếu Là Là là Thề, thì cái gì là cái trao Tặng Vật cho Thề ? Nhưng bởi đâu Thề lại đeo thêm Thời đề cho Thề và Thời sẽ đeo bằng ra Thời Và Thề ?

Tái Bút — «*Từ Tưởng phải suy tưởng sáu xa đề phụng bồi cho Sơ Nguyên Ngôn Ngữ là Logos uyên nguyên*» — M. Heidegger.

THỜI GIAN CHO TẶNG VẬT

Thời gian đến là thời gian đi ? Và thời gian đi theo nghĩa đi là đi biệt ? Nếu thời gian cho tặng vật, thì thời gian chỉ có thể cho cái mà thời gian có, có từ trong tinh thể của

minh. Mà thời gian chỉ có là có đi, và đi là đi mất. Tặng Vật của thời gian cho là Cái-Đi-Mất. Nhân một món quà như thế kẻ cũng đã thiếu não Lòng Người làm thay. Nhưng Thần Tiên Cối Lồng thì lại thông dong, dù hi o bề o bằng Cái Đi Mất là tặng vật của Thời Gian. Cối Lồng Thần Tiên khác cái cối lòng lão hủ là như thế (cf. Niềm riêng lão hủ buống tuồng, hình dung quái dị nổi buồn thảng năm... Hoặc : Muộn lời chạm tiếng lâu tiên, liền tâu Thánh Đế mỗi phiên Lão Phu...)

(Tuy nhiên Cối Lồng Thần Tiên cũng có chỗ có le gay cần là lúc ? Lúc mà mà ? Lúc mà Thần đi tới cuối Ngọn Điều Tàn. Cf. — «Thần đi cuối Ngọn Điều Tàn, tình vẩn như mao mớ màng Man Nương...» Hoặc : «Đùa với gió, rờn với vẩn... Một mình nhớ mãi Gái Trần Gian Xa...»)

(Ở cuối Ngọn Điều Tàn, Thần Tiên đắm ra làm cảm là thế.)

(Không hẳn không hẳn. Vì sao ? Vì từ Ban Sơ, ở Đầu Ngọn Huy Hoàng, vốn dĩ đã là như thế.)

(Nhưng mà sao gọi là Đầu ? Sao gọi là Cuối ? Sao gọi là Ban Sơ ? Sao gọi là Chung Cực ? Sao gọi là Vô thủy Vô chung ? Sao gọi là Vô Thủy của Sơ Đầu ? Sao gọi là Vô Chung của Sơ Thủy ? (... ..)

THẦN TIÊN VÀ TIÊN THẦN

(Tặng các Bé Con)

Người ta nói «Thần Tiên», ít khi nghe nói «Tiên Thần». Vì sao ? Vì sao nói «Thần Tiên» thì nghe thật là thơ mộng, mà nói «Tiên Thần» thì nghe có vẻ cà chớn, cà gât, ba gai ? (Cũng tỷ như nói «phi thuyền-cập bờ Cung Nguyệt» thì nghe thơm tho, mà nói «bom nguyên tử dội vào lòng biển và dâng lên đầu núi dưới non» thì rõ ràng là nghe ra dật tếu).

Tại sao có sự lạ ấy ?

Bọn Đười Ươi Thy Sĩ có thể đưa ra lời giải thích rằng :

Sở dĩ nói «Thần Tiên» nghe ra thơm tho thơ mộng, kỳ chẳng qua chỉ vì phép nói lái : «Thần Tiên» nói lái ra «Tiên Thần» thì quả nhiên là thơm tho trang trọng, còn «Tiên Thần»

nói lái ra «Tần Thiên» thì quả nhiên thật là có vẻ cá cược theo đuôi thời trang tân tiến...

Nhưng thử hỏi

Nếu như «Tiên Thiên» nói lái ra làm «Tần Thiên» (Trời Nhà Tần, Trời Non Nước Tần) thì sự tình sự huống sẽ ra sao?

Trước câu chất vấn đó, hỡi Đuôi Ươi Thy Sĩ đành cảm miệng không đáp ra lời. Trong cơn bối rối, chúng hèn đẩy hèn Trung Niên Thy Sĩ ra đời.

Hỡi ôi ! Đó là hiểm họa. Đáp không ra lời, hèn đẩy ra đời, hỡi ôi, hiểm họa (hỏa diệm) là đó vậy.

LÚC THẦN TIÊN LÂM NẠN

(Đuôi Ươi diễn thuyết)

Thần Tiên có bao giờ lâm nạn hay không, quả nhiên không ai dám quyết đoán điều đó. Nhưng quả thật những chú Thy Sĩ thuộc nói Nerval, Hoelderlin, Trakl, Beaudelaire, đã từng gặp nguy nan suốt bình sinh từ sinh liêu giữa Trần Tiên Ngón Ngủ. Và sau cuộc bình tử còn mang nặng u buồn của Chín Suối ? Hoàng Truyền Tại Thề chẳng hề thấy họ ngậm cười hây hây ? Tình huống ấy có thể kéo dài dang dặc lâu lâu lúc dang dặc bấy chầy cho tới những ba trăm năm... hoặc hai trăm rưỡi, hoặc một trăm rưỡi ba phần tư năm chẳng hạn. Tam gọi đó là tình huống của Thần Tiên thiên tần lâm nạn kéo dài tình trạng dang dặc cứu nguyên Hoàng Tuyền Tại Thề ngắt tạnh mù tằm.

Rồi sau đó ?

Sau đó bỗng dưng một ông Thánh Thần đi về giải cứu. Ông Thánh Thần đó có thể có râu ria tên tuổi Martin tên họ Heidegger. Ông Heidegger Martin này vốn là một vị Đạo Y Vương Đê. Ông chữa trị được chứng bệnh điên kỳ lạ hiểm nghèo xâm chiếm những linh hồn thượng thừa thần tiên lừng danh.

Và kỳ lạ hơn nữa ấy là cái chỗ : lúc ông lới xõe Hoelderlin ra khỏi móng vuốt của Con Ma Diêm và Con Quỷ U Buồn, Hoelderlin vừa thoát nạn thì lập thời Nerval và Beaudelaire, vô hình trung cũng được giải vây, thông dong nói dưới Tổ Nư

Từ bước ra khỏi vòng phong tỏa, cùng với Toàn Thê Hiện
Thê Thi Nhiên toàn nhiên trong thế giới riu rít một bài ca (.....)

Kể từ ngày cuốn sách của ông Heidegger (giảng giải
về thơ Hoelderlin) ra đời, một niềm hân hoan hỷ lạc ly kỳ đã
triển miên đi về trong Lãnh Địa Mnemosyne. Hiện Thê Thi
Nhiên trong Toàn Thê Thi Nhạc được gởi lời chúc phúc xum
xê khắp năm châu bốn biển mười sông, kể cả con sông cái
sông đào và khe rạch mương...

Kính thưa quý vị.

Lúc Thần Tiên làm nạn thì Thánh Thần buồn ủ dột
đi về, và buổi diễn thuyết hôm nay của chúng tôi tới đây có thể
gọi là kết thúc.

Kính chào quý vị, quý ông quý bà quý cô quý chị...

NGUỒN XA

Nguồn xa chưa về ? Trong khi chờ đợi cái Lúc sẽ về
thì thì thì ?

Thì thì thì Thê và Thới có thể làm le biến ra lam Thới
và Thê ? Và trong khi đó thì con đường của bước đi là một con
đường quanh quất ở thôn làng hoặc là quần quanh ở rừng rú ?

Và lúc con đường bước đi thì mặt đất cũng bước
đi ? Đi đâu ?

«Đất đi lẻo đẻo nối liền

Đất về ùng đũng mang phiên tặng nhau»

MANG PHIÊN TẶNG NHAU

Mang phiên tặng nhau thìlech gì đến ai ? Thì rằng đừng
tặng ? Nhưng đó là thế lệ thần tiên trao tặng ?

Tặng nhau lằng dằng như xa như gần ?

«Sương in mặt, tuyết pha thân

Tặng nhau phiên muộn như gần như xa...»

Ấy là trong thế lệ những lối đi lẻo đẻo của mộng về.
Mộng về đâu ? Mộng về chiêm bao ! Lẻo đẻo từ đâu ? Từ bụi
hồng ? «Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm bao».

ĐI VỀ CHIÊM BAO

Đi về vào những lúc mù sương man mác xanh lơ ở những châu mây sa mù xanh lục. Gặp những cô Gái Cao Miên chạy giặc ngừng lại ở những Ngã Ba. Ngã Ba này của Sứ Lịch Rừng Phong. Ngã Ba kia của Sứ Xanh Rừng Trúc. Ngã Ba nọ của Sứ Tía Rừng Tùng. Đây nhỏ sẫm, đây sẫm hồng, đây tường vi bạch, đây nắng râm xuân xanh...

«Bắt đi lẻo đẻo nối liền

Đất về đủng đỉnh mang phiên tặng nhau...»

SỰ HUYỀN HOẠC CỦA NGÔN NGỮ

TUỆ SỸ

Trong bóng của những tia nắng vàng nhạt của buổi chiều, nhà thơ có thể đã cảm giác một khoảng trống nào đó đang soi mòn trong tim, đang làm hao gầy tuổi thọ. Rồi bất giác nhìn lên, hư không vô biên kia cũng đã bị soi mòn thành một khoảng trống, của hư vô hủy diệt hay của sự sinh hóa bất tận. Thì ra, tạo vật được sáng thủy trong sự bất toàn của nó. Từ thời hỗn mang, bà Nữ Oa luyện đá và trời, lấp khoảng trống bất toàn cho tạo vật được che phủ, được ôm ấp trong cái chân tình chấp vá của cái gọi là «thiên địa chi tâm», bao la và vĩnh cửu kia. Kinh Dịch nói : *Thiên hành kiện, quân tử tự cường nhi bất tức*. Đạo của trời là con đường của vĩnh cửu. Nói thế, nhưng sự phấn đấu của con người, kiên trì và dũng mãnh, liên tục không gián đoạn, cương trực không hối cải, để cuối cùng đạt đến Đạo Vĩnh Cửu của sự bất toàn kia ; ý không phải là phấn đấu kỳ cùng cho sự thất bại tuyệt đối đó sao ? Vả lại, Văn tâm điều long nói : «*Văn chi vi đức dã đại hĩ, dĩ thiên địa tính sinh giả hà lai*». Đức lý hay tính thể của Văn là tính thể của Trời Đất ; đức dụng của Văn cũng là đức dụng của Trời Đất ; cũng bao la hoàng vĩ như Trời Đất. Văn làm Tâm, và đó là thiên địa chi tâm : một tâm lòng của Trời Đất. Thế nhưng, tâm của con người là mộ huyết lấp kín những đau khổ khôn cùng. So với thiên địa chi tâm, cũng đồng là tính thể bất toàn như nhau. Vì sao ? Vì thơ của Hạ nói :

Tập San Thi Ca

30

<https://tieulun.hopto.org>

Nữ Oa luyện thạch bỏ thiên xứ
Thạch phá thiên kinh đầu thu vũ

Khoảng Nữ Oa luyện đá vá trời
Đá vỡ, trời kinh, đọng mưa thu.

Chỗ tận cùng mà tâm người đạt đến, nơi đó là sự sụp đổ và hủy hoại. Nói như thế, quả có đôi chút ngóng cuồng và táo lộng, vì đã lên tiếng ruồng rẫy chân tình hoàng vĩ của Thiên địa chi tâm. Và cũng có ý cướp quyền tạo hóa. Cho nên, mới có lời phê bình của Châu Ích Công, về phong cách và định mệnh của Hạ: «Người xưa nói, thơ hay làm khốn khổ con người. Lại còn nói, nào phải chỉ làm khốn khổ mà thôi; thơ có lúc giết người nữa. Đéo gọt gao ruột đã là trái với thuật dưỡng sinh. Mà trào lộng van tụng đầu phải là điều được tạo vật tán đồng. Quả nhiên, Lý Hạ không thể sống lâu nổi.»

Cười cợt phong trần là cốt cách của một lãng tử; nhưng phi sức sống trong những cuộc phiêu lưu vô định. Hạ không phải là cốt cách đó. Nhưng trào lộng van tụng thì chẳng khác nào đã ruồng rẫy đức hiếu sinh của tạo hóa. Cũng một ý tưởng đó, khi Thâm Đức Tiềm nói về dấu hiệu của trạng thái quá ngán trong thơ của Hạ. Bởi vì, Thâm Đức Tiềm nói, «Cái đa tình là Trời, lấy tất cả tạo vật làm tâm của mình. Nhưng Hạ đã coi Trời như là cái vô tình để viết ra sự phản nộ bất bình trong lòng; thế thì, sự van vỏi của tuổi thơ đã được báo hiệu ở nơi đây.»

«Ở nơi đây» tức ở một câu thơ trong bài thơ Hạ mô phỏng tượng đồng từ giả cung điện nhà Hán. *Kim đồng tiền nhân từ Hán ca*. Nó chỉ là một thơ vịnh sử. Biển cổ trong thơ xảy ra cách thời đại của Hạ trên 5 thế kỷ; nhưng tình cảm của Hạ đối với vật vô tri vẫn nồng nàn, tha thiết. Họ viết lời tựa cho bài thơ đề dẫn giải gốc tích: «Nguy Minh đế, thành hoàng nguyên niên (233), tháng 8, chiếu sai cung quan kéo xe về phía tây lấy bức tượng tiên nhân bụng mập hững hờ của Hán Vũ đế (trị 141-87 trước TL) đem về dựng trước điện. Sau khi cung quan đã dời tượng xuống, vào lúc chỗ đi, tượng ngầm rơi rơi rớt rớt. Do đó, Đường chư vương tôn Lý Trường Cát làm bài ca Kim đồng tiền nhân từ giả cung điện nhà Hán này.»

Truyền thuyết hoang đường cổ nhiên không cần dữ

kiến lịch sử xác thực. Nhưng Hạ yêu thích nó, mà tình tự bị thương ai oán được diễn dịch thành dấu hiệu của định mệnh :

Màu lãng Lưu lang thu phong khách
Dạ văn mã tề hiều vô tích
Họa lan quế thọ huyền thu hương
Tam tháp lục cung thổ hoa bích

Nguy quan khiến xa chỉ thiên lý
Đồng quan toan phong xạ mầu tử
Khổng tương Hán nguyệt xuất cung môn
Ưu quân thanh lệ như duyên thủy

Suy lan tổng khách Hàm dương đạo
Thiên nhược hữu tình thiên diệc lão
Huê bàn độc xuất nguyệt hoang lương
Vị thành dĩ viễn ba thanh tiểu

Khách gió thu, chàng Lưu nơi cỏ mộ ;
Ngựa kêu đêm, bắt đầu buổi mai về.
Hương thu, dấu hình lan nọ, quế kia ;
Cung điện đầy đã biếc vào rêu phủ.

Quan nhà Nguy kéo xa nghìn dặm chỉ ;
Từ thành đông làn gió bắn mắt cay.
Ra cửa cung nhìn trăng Hán còn đây ;
Bối thương nhớ giãm chưa tuôn dòng lệ.

Đường Hàm dương cụm lan gãy tiễn khách.
Trời hữu tình, trời hẳn phải già thôi.
Tay bưng mâm, trăng lẻ bóng ngậm ngùi ;
Sóng sông Vị nghe xa dần biển biệt.

«Chàng Lưu» và «khách gió thu» trong thơ đều chỉ Hán Vũ đế, người dựng tượng đồng hướng hưng thịnh trường sinh bất tử. Nhà Hán dấy nghiệp bởi Lưu Ban, từ năm 206 trước TL. Sau 5 năm phá Tần, diệt Sở, lập nên cơ nghiệp đế vương ; đến Vũ đế là đời vua thứ 6. Vương Kỳ nhận xét ; bậc đế chúa tiền triêu mà gọi là «Chàng Lưu» là sự thiếu suy xét của Lý Trường Cát. Hạ lại gọi Hán Vũ đế là «khách gió thu», theo Ngô Chính Tử, bởi vì nhà vua từng sáng tác bài thơ «Thu

phong lưu». Vương Kỳ không đồng ý giải thích này. Theo Vương Kỳ, đời sống con người chẳng được bao lâu; dù có kéo dài được một chút, cũng chẳng khác nào một lữ khách qua đường trong cơn gió thu. Do đó, gọi là «khách gió thu». Khách qua đường trong cơn gió thu là hình ảnh của một con người lưu luyến phong trần. Nhà vua mà được tặng cho mấy chữ «khách gió thu» thì còn chi là phong độ đế vương. Cho nên, lại nhận xét của Vương Kỳ, đây cũng là một sự thiếu suy xét nữa của Trương Cát.

Hán Vũ đế chết, thi hài vùi lấp nơi Mậu lăng, nhưng linh hồn của nhà vua đêm đêm vẫn ruổi ngựa về thăm tượng đồng và cung điện. Tối thì hiện hồn về, và sáng mai thì mất hết dấu vết. Ba mươi sáu cung điện vàng son, hương mùa thu thấp thoáng trên cành quế, chời lan, mờ mờ trong lớp rong rêu xanh biếc. Hồn người chết vẫn còn quá nhiều ai oán, không dễ gì tiêu tan được. Cuộc đời dâu biển, triều đại đổi dời thay, bức tượng đồng cũng phải lên xe từ biệt. Nhưng mặt trăng ấy cũng vẫn chung tình qua bao nhiêu năm tháng. Và cum lan gây rầu rĩ tiễn người đi. *Thiên nhược hữu tình thiên diệc lão*. Tất cả bi thương và phần nộ của Hạ cô đọng trong một câu thơ này. Một câu thơ của định mệnh. Tuy nhiên lời phê bình ấy không thể không mang một thành kiến. Lão Tử cũng từng nói «Trời đất bất nhân...» mà chưa hề được gán vào đó một định mệnh nào cả.

Hình ảnh trong bài thơ trên đây không chỉ là những biểu tượng huyền hoặc, hoang đường. Tâm hồn của Hạ chừng như là một cỗ máy vùi lấp, chôn kín những tình tự bi thương hoặc uất hận. Cho nên «trào lộng vạn tượng..., đổ gột gan ruột...» nhất định là những lời mô tả phong cách thi ca của Hạ rất xác thiết. Thơ Hạ mà được gọi là thơ của quỷ, chính là phong cách đó. Nó làm nên định mệnh của Hạ. Hơn thế nữa, trong sáu xa thơ Hạ còn là ám ảnh của tuổi già và sự chết. Hoặc chính ám ảnh đó làm nên định mệnh; hoặc ngược lại, trực giác về định mệnh tạo ra ám ảnh đó cho Lý Hạ. Ngày qua mau, ánh sáng vùn vụt, «*khô trú đoản*» hiển nhiên là một bài thơ vừa xót xa vừa trào lộng :

Phi quang — phi quang
Khuyến nhĩ nhất bôi tửu
Ngó bất thức thanh thiên cao hoàng địa hậu

Duy kiến nguyệt hàn nhật noãn lai tiền nhân thọ
Thực hùng tặc phi
Thực oa tặc sấu
Thần quân hà tại
Thái Ất an hữu
Thiên đông hữu nhược mộc
Hạ tri hàm chúc long
Ngô tương trầm long túc
Tước long nhục
Sử chi triều bất đắc hồi
Đa bất đắc phục
Tự nhiên lão giả bất tử
Thiếu giả bất khốc
Hà vi phục hoàng kim
Thôn bạch ngọc
Thủy thị Nhiệm công tử
Vân trung ky bạch lộ
Lưu Triệt Mậu lãng đa trệ cốt
Doanh chính tử quan phi bảo ngư

Nắng bay — nắng bay !
Mời mi một chén rượu.
Ta chẳng biết trời cao hay đất dày ;
Chỉ thấy trăng lạnh và trời nóng nung chín
Tuổi thọ con người.

Ăn thịt gấu thì mập ;
Ăn thịt cóc thì gầy.
Thần Quân ở đâu ?
Thái nhất nào có.

Trời đông có nước mọc,
Dưới đất rồng ngâm đuối.
Ta sẽ chặt chân rồng,
Lóc thịt rồng,
Kiến cho buổi sáng không thê về,
Buổi tối không thê núp.
Tự nhiên người già không chết,
Người trẻ không khóc.
Cần gì phải uống hoàng kim,
Nuốt bạch ngọc ?

Ai là Nhiệm công tử
Cưỡi lừa trắng trong mây ?
Lưu Triệt tro xương nơi Mậu Lăng
Doanh Chính đầy hòm tổn cá uơn.

Phong cách của bài thơ đó là phong cách ảnh hưởng của *Sở từ thiên văn*. Những biểu tượng trong thơ cũng là những biểu tượng của *Sở từ*, hoặc Thiên văn, hoặc Cửu ca. Khuất Nguyên đau khổ vì tầm lòng trung của mình không được biết đến, bơ vơ trong núi rừng; nhìn thấy những hình vẽ về trời đất, núi sông, kỳ vĩ và nguy quyết, nơi miếu của các tiên vương hay từ đường của các cung khanh. Một mối và rã rời, ngờ nhìn những bức họa trên vách, Khuất Nguyên lên giọng cay đắng hỏi trời, để phát tiết bi phẫn trong lòng. Hạ đau khổ và ám ảnh trước đời sống mong manh, cũng lên giọng cay đắng mà hỏi thời gian.

Thế nhưng, bi phẫn của Khuất Nguyên là do cảnh ngộ thực tế phũ phàng. Ám ảnh của Hạ, một cách nào đó, chỉ là mộng tưởng hão huyền. Những biểu tượng của *Sở từ*, dù cũng xa xôi, siêu thực vẫn dễ dàng thấy tính chất thiết thực của chúng. Trái lại trong thơ của Hạ, chúng hoàn toàn được coi như chỉ là những hình ảnh hoang đường không ngụ ý thực tế. Trên khía cạnh nhận xét này, thơ của Hạ hiển nhiên bộc lộ tính chất huyền hoặc của ngôn ngữ.

Không phải riêng Hạ mới có ám ảnh về thời gian để làm thành định mệnh của mình. Nơi Lý Bạch, ám ảnh ấy vẫn tỏ ra vô cùng thống thiết :

Sinh giả vi quá khách
Tử giả vi qui nhân
Thiên địa nhất nghịch lý
Đồng bị vạn cổ trần.

Sống chỉ là khách qua đường. Chết mới thực sự là một lữ khách hồi hương. Trời đất chỉ là một quán trọ, và con người chỉ là một hạt bụi lăn lóc.

Tuy nhiên, khác với Hạ, ám ảnh ấy tạo cho thơ của Lý Bạch một phong vận thần tiên siêu sái. Cùng bừng một chén rượu để tiêu pha sức mạnh của vô thường, mà Lý Bạch thì uống giữa cái mệnh mỏng vô tận của trời đất ; còn Lý Hạ thì

uống với những hồn ma, chết mà vẫn còn nhiều tiếc thương, uất hận và ganh tức với người sống. Phong cách dị biệt giữa hai nhà thơ, một tiên và một quỷ, rất dễ nhận thấy trong cùng một điệu thơ nhạc phủ «*Tương tiễn tửu*» :

Quân bất kiến
Hoàng hà chỉ thủy thiên thượng lai
Bôn lưu đảo hải bất phục hồi
Quân bất kiến
Cao đường minh kính bi bạch phát
Triều như thanh ty mộ thành tuyết
Nhân sinh đắc ý tu tận hoan
Mạc sử kim tôn đối không nguyệt
Thiên sinh ngũ tài tất hữu dụng
Thiên kim tán tận hoàn phục lai
Phanh dương tề ngư thả vĩ lạc
Hội tu nhất ẩm tam bách bôi

Sâm phu tử — Đan khâu sinh
Tiễn tửu quân mạc đình
Dữ quân ca nhất khúc
Thỉnh quân vị ngã trắc nhĩ thỉnh

Chung cổ soạn ngọc bất tức quý
Đản nguyệt trường tùy bất dụng tĩnh
Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch
Duy hữu âm giả lưu kỳ danh

Trần vương tích thời yển Bình lạc
Đầu tửu thập thiên tứ hoan hước
Chủ nhân hà vi ngôn thiểu tiên
Kính tu cô thủ đối quân chúc

Ngũ hoa mã
Thiên kim cừu
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu
Dữ như đồng tiêu vạn cổ sầu

Anh chẳng thấy ?
Nước Hoàng hà trời cao đỏ xuống,
Xuôi về biển cả không ngược dòng.
Anh chẳng thấy ?

Nhà cao gương sáng buồn tóc trắng ;
Buổi mai naur tờ, buổi chiều thành tuyết.
Đời người đặc ý, chơi cho cùng ;
Đừng để cơn vang trở với trăng.

Trời phủ tại ta tất hữu dụng ;
Nghìn vàng vung hết rồi lại có.
Luộc dê, mỡ bò, mặc tình vui ;
Một lần phải cạn ba trăm chén.

Săm phu tử, Đan Khâu sinh !
Rượu rót, đừng lẫn khăn.
Ca anh nghe một bài.
Hãy ghé tai nghe tôi nói.

Chuông trống, ngọc ngà, không đáng quý,
Chỉ nguyện say dài, không nguyện tỉnh.
Thánh hiền mấy đời vẫn thui thủi.
Chỉ có làng say còn lưu danh.

Trần vương thừa nào yến Bình lạc,
Chung rượu mười nghìn, mặc hoan lạc.
Chủ nhân vì sao nói ít tiền ?
Mua gấp thêm rượu cùng rót nữa.

Ngựa ngũ hoa,
Áo cừ thiên kim.
Gọi con mang đi đổi lấy rượu,
Cùng anh tiêu hết vạn cò sấu.

Đời sống sinh nhai của Hạ không làm có được những giây phút như vậy. Luộc dê, mỡ bò, mang áo gấm đi đổi rượu, không phải là những chuyện khó có trong đời Lý Bạch. Cho nên, Hạ chỉ có thể uống rượu để tiêu pha cái sấu vạn cò bằng những biểu tượng của thi ca :

Lưu ly chung
Hổ phách nùng
Tiêu tảo tửu trích chân châu hồng
Phanh long pháo phượng ngọc chỉ khắp
La vi tử mặc vi hương phong

Xuy long dịch — kích dâ cổ
Hạo xỉ ca — tế yên vũ
Hương thị thanh xuân nhật tương mộ
Đào hoa loạn lạc như hồng vũ
Khuyến quân chung nhật minh đình tụy
Tửu bất đáo Lưu Linh phần thượng thổ

Chén lưu ly, hồ phách nồng,
Vỏ nhỏ rót rượu chén châu hồng.
Luộc rỗng, chiến phượng, nở ngọc sồi như khóc
Rèm lụa, màn gối, vầy gió hương.
Thôi sao rỗng, vỏ trống sầu ;
Răng trắng ca, eo nhỏ múa,
Hương nữa thanh xuân ngày sắp xế,
Hoa đào rơi loạn như mưa đỏ.
Khuyến anh trợn ngày say ngựa nghiêng,
Rượu không ướt đất Lưu Linh trên mộ.

Luộc rỗng, chiến phượng, sao hằng xương rỗng, và
trống bâng da cá sấu... sự huyền hoặc của biểu tượng cũng đủ
thấy rõ Hạ đang uống rượu với một cái mâm không. Đáng khác,
trong nỗi xót xa về tuổi già và tóc trắng, Lý Bạch trở nên tiêu sái:

Triều như thanh ty mộ thành tuyết

.....

Mặc sử không tôn đối minh nguyệt

Trái lại, mùa xuân đi qua trước mắt của Hạ trong
những giòng máu đỏ, phải chăng đây là dấu hiệu của một cơn
bệnh ho lao ?

Hương thị thanh xuân nhật tương mộ
Đào hoa loạn lạc như hồng vũ

Phan Đức Dự, đời Thanh, chỉ ngay vào câu cuối mà
cho rằng chất quí của Hạ hiện ra ở đó.

(Trích tập *Lý Hạ, Quĩ Tắc*
và *Quĩ Thi*, sắp xuất bản)

KHÔM MẶN BA NHÀNH

QUÁCH TÂN

Khôm mận này do ông cụ thân sinh người chủ nhà đường Bến chợ trồng khi ông ta còn nhỏ. Ông chủ nhà lớn hơn tôi đến 25, 26 tuổi. Khi tôi mua ngôi nhà thì cây mận đã cỗi. Gốc cây đã bị rỗng ruột, cành lá chỉ còn lưa thưa. Nhiều người khuyên tôi dọn đi để trồng cây khác. Nhưng tôi không nỡ, cứ để đó chừng nào gốc thật mục, cành thật khô, sẽ hay.

Năm tôi mua ngôi nhà là năm 1938. Lúc bấy giờ ở Nha Trang cũng đã văn minh lắm. Nhà cửa trong thành phố hầu hết đều xây tường, hoặc trồng trụ xi măng ở xung quanh. Riêng ngôi nhà tôi là rào bằng kèo sống.

Rào thì rào kèo, trong sân lại có một cây mận cỗi. Cảnh nhà thật là xưa. Các bạn đồng sự của tôi đến chơi, thường chỉ cây mận mà chế giễu :

Thơ Đường luật hiện nay thật giống y cây mận của anh. Hèn chi anh thích làm thơ Đường luật và giữ cây mận lại để làm vật tượng trưng.

Tôi chỉ cười mà không đáp.

Tôi đọc trong Tùy Viên thi thoại thấy một chuyện xưa :

Quan Thái thú đất Giang Tây cho hạ một cỗ thụ ở

trước đình. Thợ vừa đem dụng cụ đến thì một hành nhân bước lại gần nơi gốc cây một bài thơ. Thợ bèn vào trình cùng quan Thái Thú. Thái Thú ra xem thì người để thơ đã đi mất.

Thơ rằng :

Điều tri thử khứ, đồng lương tài
Vô phúc thanh âm phủ lục đài
Chỉ khùng nguyệt minh thu dạ lãnh
Ngộ tha thiên tuế hạc qui lai.

Nghĩa là :

Một đi nên cột nên rường
Không còn bóng cả lớp đường rêu xanh
Chim e thu lạnh lòng canh
Tuổi già nường bóng trắng thanh hạc về.

Quan Thái Thú đọc thơ, cảm động, truyền thợ dừng búa.

Nhờ đến bài thơ, tôi càng thương quý khóm mận. Những buổi mai buổi chiều trời đẹp, những đêm trăng sáng, tôi cùng vợ con bé bạn ngồi dưới gốc cây chung vui. Mỗi tháng sau, những nhánh còn sống sót tự nhiên đâm chồi nảy lộc và to lớn lần lần. Gốc cây xanh một lớp vỏ mới, mỗi ngày mỗi dày thêm, mới trông qua ai cũng ngỡ là khóm mận to chịu thủy thổ. Thiên hạ qua lại đều trầm trồ. Kể thì bảo rằng «vật chờ chủ». Người có não phản đoán thì nói : «Cây mận nhờ có người coi sóc, không bị lũ trẻ nhỏ bẻ cành bẻ lá như trước kia, nên phát xanh trở lại». Người hạn Ấn Độ của tôi là Kischa-Nassamy giải thích : «Đó là nhờ sức nhân diện của anh và gia đình anh mà cây mận hồi xuân». Không biết lời nào đúng, tôi chỉ biết mừng được một cây cổ thụ xanh tốt ở trước sân. «Kính lão đắc thọ».

Khi cảnh là đã sum thì hoa bắt đầu nở. Hoa nở kỳ nhất vào tháng 10 âm lịch. Đến Tết trái chín. Khi trái kỳ nhất đã sỡ sơ thì hoa ra kỳ nhì, vào tháng 11, và trái chín vào tháng 2 hoặc tháng 3 năm sau. Nhiều năm, ấm trời, hoa nở kỳ thứ ba vào tháng giêng. Kỳ nào hoa cũng thanh, trái cũng quảng.

Khóm mận gồm có ba gốc đứng dùm lại với nhau, trông như một cây ba nhánh nằm sát đất. Tan mỗi năm mỗi trương rộng, bóng trùm cả khoảnh sân ở trước nhà. Chúng tôi đặt tên là Khóm Mận Ba Nhánh.

Vì cây mận đã già nên trái rất ngọt. Trái chín đỏ thẫm như son tàu và ngọt như mật ong. Người trong gia đình tôi ai nấy đều ưa thích. Con cháu ở xa mà nhận được mận thì vui sướng hơn món quà gì khác. Riêng tôi, tôi lại thích hoa.

Hoa mận cánh trắng, nhụy trắng. Mọi thứ hoa, hoa, hoa nào cũng đẹp nhờ cánh. Hoa mận đẹp nhờ nhụy. Nhụy dài và thanh. Chữ gọi là ba tu, tục gọi là râu rậm. Khi hoa nở thì cánh bị râu che lấp hết, trông vào như một chùm ngân tuyến có mùi hương.

Những ngày hoa nở, sắc trắng của hoa át hẳn màu xanh của lá. Nhìn lên tàn rậm, giống y mái đầu bà lão bảy mươi cúp bôm bê. Nhụy hoa cánh hoa rung phới phới như mưa tuyết. Mùi hoa ngòn ngọt như mùi hoa xoài. Mỗi buổi sáng thức dậy, nhìn ra sân, tôi có cảm giác dường ngồi nơi tiền đình trên Phú Sĩ Sơn hay trên Mont-Blanc, thưởng tuyết bay trong gió.

Thật là thú. Nhưng lắm lúc man mác buồn vì ý nghĩ «không có gì vĩnh viễn», như là những khi người nhà lo quét dọn sân hè. Để hưởng vị không pha lẫn cay chua, tôi dặn con em trong nhà đợi tôi đi làm việc hoặc đi chơi rồi mới quét râu mận. Tôi có một tuyết, nhân xúc cảnh mà thành, tạm gọi là mây văn tâm sự :

Tuyết phủ sân xuân hoa rung dầy
Hương màu theo gió chập chờn bay
Em ơi, đừng quét... Em đừng quét
Anh chỉ yêu hoa những lúc này.

Ở Nha Trang, mùa đông ít lạnh và ít mưa to gió lớn như các tỉnh bạn. Tuy vậy, trăm hoa, cả hoa giấy chắc gan, đều lảnh mặt. Duy có hoa mận là «đua cười gió đông». Cho nên, tôi gọi hoa mận là hoa «tuế hàn» thay cho bạch mai của cổ nhân mà Nha Trang không có.

Mùa đông vì lạnh và ít hoa, nên ong bướm cũng ít. Bởi vậy, kỳ mận tháng 10 tháng 11 ít bị quấy rầy về loài có cánh. Nhưng đến, kỳ hoa tháng Giêng, thì lớp ong lớp bướm kéo đến từng bầy.

Ong phần nhiều là ong ruồi ong mật. Ong bầu, cồ vãng ánh thân đen mun, cũng có song chỉ năm bảy con mà

thời. Tôi không hiểu tại sao, khi những khóm mai vàng của tôi nở, chúng kéo đến rất đông và phá hoa trong khoảnh khắc là chỉ còn cành và nụ héo. Còn lúc mai nở, chúng chỉ cứ «đại hiểu» đến mùa vui. Và đối với mai, chúng rất tàn nhẫn, còn đối với mạn, chúng lại có vẻ «biết điều». Có người bảo rằng vì hoa mạn lớn, chúng đâm vào lòng hoa để hút mật, mật lại nhiều nên không cần phải dùng sức dụng công. Còn hoa mai nhỏ bị chúng ôm trọn vào lòng để hút mật, thêm mật có ít, nên phải vét cho «ráo máng cạn tàu» mới đủ no. Lại có người bảo rằng trên tàu mạn, ngoài ông bầu còn có ông ruồi ong mật. Ông bầu vốn sợ hai giống ông kia nên không dám «làm tàn với hoa». Thuyết trước e đúng hơn.

Còn bướm thì «đông như hội».

Liệt nhiều giống, rất nhiều màu sắc. Con thì lớn như đoá hoa giấy, đoá oeillet. Con thì nhỏ như hoa kim cúc, hoa sứ, hoa lai đơn. Con thì vàng ánh như huỳnh kim. Con thì trắng phau như bông gòn. Con thì đen nhánh như rặng hạt huyền. Con thì nâu như lông bìm bịp. Con thì cánh trắng viền đỏ. Con thì màu hóa hoàng diễm những hạt cườm đen hoặc cườm trắng. Con thì rân rí. Con thì vá vàng. . . vân vân ... Trông đẹp dới như một cánh rừng phong lan gió đưa.

Bướm bướm là giống phong nhã. Chúng đối với hoa lịch sự như những chàng thanh niên có học đối với giai nhân. Lúc nào cũng dịu dàng, cũng nhẹ nhàng, lúc nào cũng ung dung tự tin... Đậu vào hoa, chỉ đậu phơn phớt. Đưa vòi vào nhụy hoa, chỉ đưa một cách thương thương... Nhiều con chỉ bay lượn chung quanh hoa, dường như để hứng lấy hương chứ không màng đến mật. Lại lắm con bám theo râu hoa rơi từ cành xuống đất, rồi chớp cánh bay trở lên cành. Rơi xuống một cách nhẹ nhàng mà bay lên cũng một cách nhẹ nhàng như mảnh giấy bay theo gió. Đứng trước cảnh ấy, tôi chợt nhớ đến bài thơ Huifai của Nhật mà Pháp dịch.

ILLUSION

Fleur tombée

Retourrant à la branche.

Oh ! C'était un papillon.

Con trai tôi là Quách Giao dịch lại một lần nữa :

ẢO ẢNH

Hoa rơi !

Hoa trở lại cảnh !

Ồ ! Con bướm bướm năng tình với hoa.

Tôi thường ngắm cả hai bài, những lúc chung vui với cảnh.

Khi hoa đã kết quả thì ong và bướm bay đi hết. Se sẽ lại kéo đến đông đầy. Tiếng kêu chính chính không bao giờ ngọt.

Bảo rằng se sẽ kéo đến, không đúng. Vì vườn tôi rất nhiều se sẽ. Mùa đông chúng sợ mưa gió, chui núp nơi trần nhà, nơi mái hiên. Lúc ấm trời, bay ra tìm mối thì bay lẻ tẻ và lặng lẽ như chiếc bóng qua ngang. Nếu không để ý thì tưởng chúng đã bay đi nơi khác. Nhưng đến ngày xuân sang, nắng ấm, chúng rủ nhau bay ra từng lớp, lớp bay lớp đậu, rộn rã từng bừng... Chúng đông nhưng không phá phách. Luồn qua lá mạn, đậu trên cành mạn, song không bao giờ động vào trái mạn, lúc chín cũng như lúc xanh.

Bướm bướm là tài tử giai nhân, se sẽ là nhạc công, đem tình xuân đến trang diễm cho ngày xuân của khóm mạn được thêm xuân.

Cho nên hương trong mùa hoa nở, mùa trái chín, bạn bè thường hợp nhau dưới bóng mạn. Và những lúc vắng người, tôi thường nằm nơi vũng cột trước mái hiên, nhìn khóm mạn để ôn lại chuyện xưa hoặc tìm hương thú mới. Vì thế mà hình ảnh khóm mạn in sâu vào tâm khảm, và tình mạn thường len sâu vào tứ thơ, nhất là từ 1940 trở đi, sau khi đã gặp Liên Tâm và đã thường cùng Chế Lan Viên, Yến Lan, Quách Kiến Đạo chung bóng dưới trưa hè. Lầm lức hẹn nhau «hè mạn ra hoa thì về hưởng thú». Nhưng đâu có phải hề muốn là được. Cho nên đối mạn nhớ Bạn, tôi có một tuyệt :

Khóm mạn ba nhánh huê lại huê
Đường xa ba bạn mãi chưa về ;
Bóng sân trái chiếu chờ tin mộng
Bướm chấp chờn hương tuyết hờn bề

Trên khóm mận còn một «quí khách» nữa tưởng không nên để sót. Đó là con CHIM OANH.

Con Oanh này lớn bằng cườm tay. Toàn thân vàng như hoa mai. Cánh dài đuôi dài như chim chào bèo. Mỏ đen chân đen.

Không biết từ đâu đến. Cũng không biết trước kia có thường đến hay chẳng. Như từ khi tôi mua được ngôi nhà, và từ khi khóm mận hồi xuân, thì năm nào, khoảng đầu xuân trong vòng tháng Giêng Âm lịch, thì bay đến đậu nơi cây mận-kêu vài ba tiếng rồi bay đi. Ngót bốn năm, không năm nào thiếu.

Năm 1942, trời đương ở vào tiết đông, gió mưa tuy đã lạnh, nắng đã lên hằng ngày, song khi trời còn lạnh. Một hôm tôi đương ngồi làm việc tại Tòa Án Nha Trang, thì nơi cây bàng cạnh cửa sổ phòng giấy, chợt nghe tiếng Oanh kêu. Ngừng tay bút trông ra thì nhận biết ngay là con oanh «của tôi», vì dáng điệu và tiếng kêu quá quen. Thêm nữa, Khánh Hòa không có giống chim oanh. Con oanh này là con oanh độc nhất. Oanh kêu mấy tiếng rồi bay đi...

Xuân sang, oanh không thấy lại. Và xuân năm sau, năm sau nữa, vẫn không thấy bóng oanh.

Oanh đến cùng tôi lần cuối cùng là ngày 18 tháng 12 năm 1942. Tôi có ghi vào nhật ký.

Năm ấy cũng là năm tôi không còn hy vọng gặp lại người bạn «phần đại tri âm» là Liên Tâm...

Tôi có bài XUÂN QUANH :

Thước được gió bay màu tùy vũ
Hải đường sương tỉnh giấc xuân tiêu
Con oanh năm ngoái không về nữa
Sắc liễu xanh xao tiếng địch chiều.

Khóm mận đối với tôi cũng rất có tình.

Năm 1943, tôi ra Đà Nẵng và Huế chơi hơn nửa tháng. Lúc ấy đã gần cuối đông, hoa mận đã thành trái. Khi tôi về, trên cành chỉ toàn lá xanh ! Tôi hỏi người nhà :

— Sao hái mận sớm thế ? Không đợi thật chín để ăn tốt.

Lũ nhỏ đáp :

— Ba đi được mấy hôm, hoa quả lần lần rụng sạch, không sót một trái nào cả ?

Tôi cho là tại thời tiết.

Đến năm 1944, tôi đưa gia đình về Bình Định lánh nạn tàu bay khủng bố. Tôi gửi nhà cho ông Ba Lỗ ở ở trước ngõ. Khi tôi đi thì mận lớp ra hoa lớp kết quả, sum sượng cả cây. Nhưng một tháng sau tôi trở vào thì mận không còn một trái nhỏ. Tôi trách ông Ba.

— Ông Ba ăn trái không nhớ kể trồng cây.

Ông Ba cười :

— Có được ăn trái nào đâu mà nhớ với không nhớ. Bởi Thuyền đi được ít lâu thì hoa lẫn trái, trái già trái non, rụng đầy đất !

Một ông bạn pha trò :

— Chắc cây mận này sống lâu năm đã thành tinh, và là tinh đàn bà, nên vắng hơi anh, tương tư rụng hết trái chó gi.

Tôi chợt nhớ lại khi bà thân tôi mất, hai bụi trầu và mấy chục cây cau bà trồng đều chết theo hết. Và khi bà nội của nhà tôi mất, cây cam của bà trồng lúc trẻ, đương xanh tươi liền chết héo rồi chết đứng. Và vườn chuối của bà cũng xũ lá rồi rụng dần. Tôi tự nhủ :

— Thường ngày mình lân la bên mận, mận quen hơi hám. Đến khi vắng mình, thiếu hơi hám đã quen, mận bị «bỏ mình như người nghiện thuốc» nên phải rụng trái rụng hoa. Đó là việc thường đối với người biết chút ít về khoa học thực nghiệm.

Nghĩ vậy để tự cho mình có não thực tế, có não khoa học «với người ta» cho vui vậy thôi. Chớ trong thâm tâm, tôi vẫn tin là «thảo mộc hữu tình». Do đó tôi càng thương yêu

khóm mận. Đi xa nhớ nhà, hình ảnh khóm mận quanh quần bên hình ảnh vợ con, trong mơ trong giấc.

Đến năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp, tôi thôi làm việc Tòa Sứ Nha Trang, Tôi cho mượn ngôi nhà đường Bến Chợ, để về Bình Định cùng vợ con. Rồi bị kẹt ở Bình Định gần 10 năm. Mãi sau ngày ký Hiệp định Genève, tôi mới trở lại Nha Trang.

Tôi trở lại Nha Trang vào cuối năm 1945. Nhà cửa hư sơ sơ. Đồ đạc mất hết. Hoa kiểng không còn chút nào. Khóm mận trước sân chỉ còn hai gốc, song vẫn sum sê nhánh lá. Lúc bấy giờ là thượng tuần tháng 11 âm lịch, hoa mận đương độ mẫu khai. Tôi có mấy câu cảm hứng, nhan là **TÌNH CỔ VIÊN** :

Đời chia mưa nắng chín năm qua
Vườn cũ thêm thương khóm mận già
Ba nhánh tình thâm tâm sự gửi
Không vì lý cách phủ phàng hoa.

Năm ấy hoa mận ra nhiều và quả kết cũng nhiều. Những người xung quanh bảo nhau rằng «cây chờ chờ». Một ông lão mắng :

— Khéo tin nhầm ! Mấy năm nay cây không ai coi ngó. Lũ trẻ phá từ lúc hoa mới nu, thì làm sao có trái được. Chờ cây cối biết gì mà đợi với chờ ?

Tôi cười :

— Lời giải thích hữu lý, song lại chứng tỏ rằng người giải thích vô tình.

Ông lão phản đối :

— Sao lại vô tình ?

— Vì không rầy dùm bọn trẻ, nữ để cho chúng làm hư hại hoa.

Ông lão cười ha hả :

— Không ngờ ông lạc hậu đến thế ! Ở Việt Minh, ông sợ bọn trẻ hay bọn trẻ sợ ông ? Ông tưởng ở vùng Quốc gia này, cảnh «tôn lão kính trưởng» còn tươi tốt như cây mận của

Ông à ? Ông là chủ vườn. Để rồi xem ông có rầy nổi chúng chẳng, huống nữa là tôi, người không quyền không thế.

Nhờ lời cảnh cáo của ông lão, mà tôi lo đề phòng, nên cây mận ít bị nã cao su bắn, kéo nèo đứt... Mỗi ngày tàn cuối sum thêm, mỗi năm trái mới sai thêm. Nhưng nhìn kỹ thì gốc cây mỗi ngày mỗi mục thêm, và một gốc ngã xiêng xiêng ra ngoài dãi cái. Năm nào đến mùa đông, mưa to gió lớn, lòng tôi cũng đều nơm nớp sợ cho thân phận của cây. Tôi nghĩ cách chống. Song lấy gì chống cho nổi ! Đúc trụ bê tông cốt sắt thì không có tiền mà cũng không có chỗ vì đất hẹp ! Âu đành như trời ! Trời thương được ngày nào mừng ngày ấy !

Mười hai năm qua từ ngày tái hợp.

Mùa đông năm Bình ngô (1967), khóm mận ra hoa thành gấp đôi mấy năm trước. Nhánh tỏa ra ngoài đường cái. Người nhà đèn sợ cây chạm vào dây điện, đem thang rựa đến trảy bớt cành lá. Nhưng thấy hoa nhiều quá, không nỡ xuống tay. Rồi trời đổ mưa dầm gió bắc suốt mấy ngày đêm. Gốc mận phía ngoài đường bị sà thấp xuống, cành lá chạm hẳn vào giây điện...

Ngày 23 tháng 11 Âm lịch, tức ngày 3.1.67, mưa xúng gió ngừng. Trời vừa hừng sáng, tôi liền ~~ra~~ sấn đứng nhìn khóm mận. Thấy gốc mận phía ngoài đường ~~sà~~ xuống thấp quá, tôi tự nhủ :

— Nếu có một trận gió mạnh / thổi / đến / nữa thì nhất định ngã chớ không thể gượng nổi.

Vừa nghĩ tôi vừa đến gần. ~~Đến~~ hết sức kinh ngạc : Thân cây run run và cành lá rung rinh, mặc dù không chút gió... Chợt một tiếng ~~rắc~~ thật to nổi lên, và gốc mận phía ngoài đường từ từ ngã xuống, ngã xuống phía đường cái, tàn nằm trên dây điện đường. Giây điện nhờ nhiều giây, và cũng nhờ cây ngã từ từ, nên không xảy ra tai nạn, cũng gây thiệt hại gì đáng kể. Coi lại thì gốc đã mục hết. Lâu nay cây đứng vững chỉ nhờ lớp vỏ ngoài và một ít dác không lấy gì làm dày lắm.

Thế là khóm mận chỉ còn một gốc, ít cành và đứng thẳng :

Lòng tôi bị xúc động mạnh. Tôi tự nghĩ :

— Có lẽ mạn nuôi mình từ khi hóm. Nên thấy mặt mình rồi liền ngủ.

Tôi có cảm giác mất một người bạn thân yêu ! một nỗi buồn tràn ngập tâm hồn...May còn được 1 gốc. Để giải tỏa nỗi lòng tôi soạn mấy vần ca :

THƯƠNG MẠN

Mạn già ba gốc sum sê
Người qua đút nắng chim về nghĩ đêm
Mùa hoa rải mộng trắng thêm
Môi ru trái chín êm đêm giấc trưa
Từ phen duyên bén tình ưa
Đời chung chưa ngọt năm vừa ba mươi
Năm trên bớt một gốc rồi
Nay thêm gốc nữa ra ngoài trăm năm
Mấy đêm quần quai mưa dầm
Trong tâm tối vẫn âm thầm trở hoa...
Bóng sân mất nửa dườn dả
Gió đông thổi lạnh trước nhà hương bay
Tình xưa còn một gốc dây
Song buồn nhánh lục mỗi ngày mỗi xuân.

Đối với gốc mạn còn lại, tôi càng thương yêu săn sóc.

Đứng một mình rộng chỗ, nên chỉ một mùa xuân, gốc-mạn-còn-lại đã lấp đầy khoảng trống của gốc-mạn-ngủ để lại nơi không gian của sân vườn. Và đến mùa ra hoa kết quả, nhánh lá đều sai quả.

Ngày ngày tôi thường ra nằm vũng nơi hiên, nhìn bóng mạn để suy tư hoặc tìm hứng. Cây mạn vẫn thường in bóng vào thơ với bầu se se riu rít :

Hiên trưa tiếng se vang dầy
Hương đưa râu mạn bay đầy sân hoa
Chuyện đời thấp thoáng mây qua
Vũng ru châu ngủ tuổi già riêng xuân.

Cây mạn luôn luôn đi đôi với chim se se vào văn chương. Se se nhờ mạn mà có nơi nghỉ ngơi, nơi vui đùa xúng ý. Và mạn nhờ se se mà trở nên vật biết cử động, biết nói năng.

Từ năm 1960, se sẽ trong vườn tôi mỗi ngày mỗi nhiều. Lớp bay chuyển trên cây mận, lớp vào ẩn nấp nơi mái hiên. Suốt ngày từ bình minh đến hoàng hôn, tiếng kêu không lúc nào ngớt. Nhưng sau cơn bình biển Tết Mậu Thân (1968), se sẽ thưa dần. Có nhiều buổi trưa, trên cây mận chỉ lưa thưa năm bảy con, còn nơi hiên thì không thấy một bóng ! Lòng tôi cảm thấy buồn buồn :

Bình biển năm Mậu Thân
Se sẽ vườn thưa dần
Bụi ngùi sân mận chín
Mây trưa tràn ánh ngân.

Một hôm — Tôi có ghi là ngày 7/6/68 — se sẽ bay đi dần không còn 1 con ! Hè sân vườn ngủ đều không nghe một tiếng kêu, không thấy 1 bóng thoáng... Tôi nằm nơi vòm dừa đưa đưa cháu nội ngủ... chợt một bầy chim sâu, thân nhỏ mỡ dãi lông xám, bay đến đậu trên cây mận, một cách phong lưu. Lần đầu tiên, từ khi mua ngôi nhà đường Bến Chợ, tôi mới thấy bầy chim này. Chúng đậu độ 15 phút rồi cùng nhau bay đi mất biệt.

Chim sẽ bay đi đâu ? Chim sâu từ đâu bay đến ?

Lòng bồn khoăn và cảm thấy buồn thương nhớ tiếc..., một lòng nhớ thương dịu dịu nhưng mênh mông..

Thằng cháu nằm trên bụng thiu thiu ngủ. Trời trưa, nắng sáng trong, gió nồm thổi ngọt. Tôi vừa đưa võng vừa làm thơ ru cháu .

Trưa này chim sẽ về đâu ?
Từ đâu bay tới chim sâu một đoàn ?
Đón đưa gió biển mây ngàn
Hân hoan khi ở bàn hoàng khi đi
Nước non nghìn dặm cổ tri
Võng đưa cháu ngủ vẫn thiu sùi
Mái dầm diêm cánh hoa rơi
Chim bay theo những phương trời gợi tin...

Miếng ngậm mà mắt rung lệ ! Lòng nhớ bạn nhớ em đã từng ngậm mận nghe sẽ những trưa hè thời tiền chiến, mà hiện thời không biết tình thân có còn trắng kiện như xưa ?

Nước non cách mấy nắng xưa
Có khi mái tóc đã thừa tuyết sương

— Nó không chết đâu. Hễ gặp vài trận mưa thì đâm chồi nảy lộc trở lại. Đã nhiều cây, bị thuốc khai quang, sống lại một cách bất ngờ.

Tôi tạm tin lời bạn cho đỡ buồn. Nhưng đến ngày 29/7/1969 thì tôi hết hy vọng. Lá mạn vẫn bám nơi cành nhưng đã héo như rơm !

Cây mạn chết thật rồi !

Cây mạn chết nhầm lúc tôi viết Bóng Ngày Qua, gần hết đoạn nói về cảnh tái ngộ cùng mạn sau chín năm xa cách.

Buồn quá phải dừng bút !

Ra vồng nơi hiên, nằm nhìn mạn đứng chết khô, tôi không cầm được nước mắt !

Chim sẽ dường như biết trước số mạng của cây mạn, nên đã lần lượt đi tìm nơi nương thân. Trên cành chỉ còn đôi ba con bay nhảy ! Quang cảnh nơi sân thật là ảm đạm !

Sáng hôm sau, Thiếu Tá Xinh, thẩm phán tòa án Mặt Trận Nha Trang, cùng đưa con gái vừa đậu tú tài toàn phần đến thăm tôi. Thấy cây mạn đã chết, Thiếu Tá than cùng con :

— Tội quá, cây mạn này với bác con như hai người bạn. Không biết bao nhiêu kỷ niệm dưới bóng cây !

Tôi ứa nước mắt !

Trưa đến, một trận gió nổi, lá mạn rụng rơi ! Nhánh trơ bộ xương tàn. Thương lắm quá !

Ba giờ rưỡi chiều, ngồi viết tiếp Bóng Ngày Qua. Ráng viết cho xong ký ức về khóm mạn. Chỉ viết đến ngày gốc mạn thứ hai bị ngã, tôi chấm dứt đề viết đến cây me sau vườn, thì có mấy lá mạn bay vào phòng giấy. Thương quá, tôi vội nhặt bỏ vào hộp để nơi tủ sách làm kỷ niệm.

Cây mạn, «chấp hối» từ lúc tôi còn đang trị bệnh ở Qui Nhơn. Nhưng nuôi đợi tôi về viết cho xong những kỷ niệm về nó rồi mới đành «nhắm mắt». Thảo mợ và nhân tình ! Thương quá !

Chiều hôm kỷ — tức chiều 30/7/69 — Huỳnh Ngọc Di, một bạn trẻ từng sự tại tòa Hành chánh Nha Trang, ghé đến chơi thấy cây mạn liền nói :

— Hôm qua tôi còn thấy một ít lá xanh. Tưởng nó có thể gương nổi... Ai ngờ !

Tôi bèn kể lại những chuyện vừa xảy ra, và đưa đoạn văn trong Bóng Ngây Qua vừa viết xong cùng mấy lá mạn trong hộp cho Di xem :

— Nếu không có chủ và Thiếu Tá Xinh chứng kiến, thì những người-ở-xa nghe tôi kể chuyện về cây mạn, đọc đoạn văn tôi viết về giờ hấp hối của cây mạn, sẽ ngỡ rằng tôi vẽ vời cho tình thêm đậm chuyện thêm kỳ.

Hôm sau ông bạn La Dung đến

— Chao ! Cây mạn chết rồi !

Tôi đã thuật những lời tôi đã thuật cho Huỳnh Ngọc Di nghe hôm trước. La Dung nói :

— Người ta tưởng rằng cây cỏ không có tình, chứ thật ra có tình hơn cả người nữa đó. Tôi có một khóm Bạch ngọc lan, gốc lớn bằng cổ vế. Năm nào hoa cũng đầy nhánh và mùi hương bát ngát cả xóm giềng. Năm ngoái tôi vào Sài Gòn mò ruột dư gần một tháng. Ở nhà lũ nhỏ vẫn chăm sóc tử tế. Thế mà nó rụng hết hoa, rồi lần lần héo hết lá. Đến lúc tôi về thì nó đã chết khô chẳng khác gì cây mạn của anh ! Nhưng cây mạn của anh có phước hơn khóm bạch ngọc lan của tôi, vì được anh viết lại tiểu sử. Chao ôi ! Người đời, sống dù làm vương làm tướng, mà chết rồi thì mất, chứ mấy lần người được sống mãi với văn chương ? !

Câu «sống mãi với văn chương» của ông bạn La Dung làm tôi nhớ đến cây Cối trước miếu Không phụ tử, cây Bách trước đền thờ Gia Cát Lượng, cây Tùng trước mộ Nhạc Vũ Mục, mà tôi đã được «ngắm» trong Hồng Lâu Mộng. Những cây này hề gặp thời loạn thì rụng hết lá, đứng trơ trụi như đã chết khô. Nhưng gặp lúc thái bình thì tự nhiên xanh tươi như được bón tưới. Người trong xứ nhìn vào cây thì biết được đời loạn hay bình. Đó là nhờ chúng hấp thụ được chánh khí của các bậc vĩ nhân mà trở thành vật linh ứng. Chúng giao cảm cùng vũ trụ được dễ dàng, nên thường làm điềm báo trước cho người đời biết những gì sắp xảy ra. Trước kia tôi không tin những điều sách chép. Nhưng từ khi cây mạn tôi chết, tôi không nghĩ ngờ những gì tôi chưa được mắt thấy rõ ràng, mặc dù tôi không tin hẳn.

Cây mạn tuy chết rồi, nhưng tôi cứ để đứng đó, không nỡ hạ. Mỗi ngày vỗ cây mới sẫm lại rồi trở màu đen xám tro. Cảnh khô và gầy lần lần. Tôi định để mãi đến lúc nào cây mục sẽ hạ. Nhưng tháng 10 năm Tân Hợi (1971) mưa gió cứ nối tiếp nhau không ngớt. Thân mạn bị lung lay cả ngày đêm. Tôi sợ gốc đã rỗng, rễ đã mục, cây bị xô ngã thỉnh lình rủ gây điều không may. Bèn nhân lúc trời tạnh, thuê người cưa nhánh hết. Rồi ngày 27 tháng 11 âm, tức ngày 14.12.71, tôi cho hạ cây xuống.

Để giữ làm kỷ niệm tôi lựa một nhánh còn chắc, cưa đem vào dựng bên tủ sách chứa bản thảo nơi phòng văn. Cây mạn bị hạ rồi, sân vườn tôi trống rỗng, và lòng tôi đôi lúc cũng trống rỗng như sân vườn.

Những buổi trưa nắng banh, những đêm trăng sáng, tôi nằm nơi hiên vắng bàng hoàng nghĩ lại những chuyện đã qua, thì mùi hương hoa mạn, tiếng hót chim oanh.. thường bay thoang thoảng theo tiếng cơn gió hiên. Nỗi nhớ thương tràn ngập cả tâm hồn.. Tôi có mấy vần thơ khiến muộn :

TÌNH MẠN

Sân không còn bóng mạn
Buồn ngập ánh trăng thanh
Bàng hoàng sân chợ mộng
Tình vọng lá ru oanh

I I

Vong trưa đưa ánh nắng vàng
Hoa xưa bên mộng mơ màng tuyết rơi
Tình xưa mây nước xa xôi
Tắc lòng thương nhớ là nơi tương phùng

Đôi khi buồn không nén được, thì tôi đem nhánh mạn khô ra nhìn ngắm như nhìn ngẫm phiến di ảnh của người thân. Và nhánh mạn này trở thành một trong tứ bảo của gia đình tôi. (*)

(1) Bốn món quý ấy là :

- Tập Tô Văn Trung của Tam Hà tặng
- Tập Lữ Đường di cảo của Kiến Đạo tặng
- Nhánh mạn khô.
- Phiến tẻ dác của Nguyễn Hiến Lê tặng

Bài này trích trong bài ký «Trưởng Xuyên tứ bảo».

BUI GIẢNG, TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA

PHẠM MẠNH HIỀN

Chính những năm đầu tiên, những năm trong sạch nhất, lại được đậm bọc nhiều nhất chất lửa đam mê của một thủ thi ca vắng lặng giữa thời đại chúng ta. Chỉ có thể có và có duy nhất một lần. Để rồi khi đó nghệ thuật là cái gì bất biến đến với tôi giữa lúc không còn phải sửa soạn nữa, như thanh xuân lớn lên tự nhiên trong sự hỗn độn. Đánh thức dậy những gì thuộc phong cảnh cao nhã xung quanh mà thiên hạ đã khước từ hay đã đánh mất đi về kiểu diêm, cảm thấy trong mình có một sự nhần nại lên cao, sự thông dong cử bộ của đời sống. Và với Lời Chào Nguyên Xuân. Phải có nhiều thời gian nữa để phối hợp trong chất lửa dài lâu kia, những xác tin đầu tiên đầy đủ như ánh mặt trời. Không bao giờ là nó sẽ bước ra khỏi đời tôi, có thể là tôi không tin trong mỗi hảo hợp đó lại có sự chia rẽ cảm quan của chính mình, sự tách rời nào trên cái ảnh hưởng lớn nhất. Từ lâu, thi ca đã trở nên người bạn đường vô giá và từ lâu tôi theo sát bên người bạn đường ấy, kiên nhẫn và cảm nhận rộng mở. Trong bất cứ một tiết điệu nào được nói ra, trong bất cứ một thể chất đời sống nào, tất cả đều kích thích, một khi bản thân tôi có sự ngưng tếp nhận trở, vì những lý do này hay những lý do khác nếu hoàn toàn đã ngược hẳn nghệ thuật.

Tôi quả quyết rằng chưa có một thợ sữ nào còn sống mà vĩ đại như Bùi Giáng ở trong đất nước chúng ta bây giờ. Nhưng sự vĩ đại đã không được hé mở trên làn, không được nói đến một cách lịch sự trong sự thật chút nào. Tôi tưởng Nghệ Thuật và Chân Lý gần gũi, không thể là cái gì khác hơn khi mà thế giới vẫn còn cần đến con người, cần đến sự có mặt tối thiểu. Song lẽ, làm gì ngày hôm nay Chân Lý còn được tôn trọng và Nghệ Thuật thì đã bị giảm trừ bằng nhiều cách, đến nỗi người ta muốn đặt những thứ ấy lên con cần mua bán, trao đổi khắp thế giới. Lúc bấy giờ, vì sự tôn trọng cho những con người nguyên thủy, chúng ta nên đem nghệ thuật như đã hiển minh cho sự tâm tối, chẳng còn giòng bất cứ một thứ nghệ thuật nào và ngay cả đến mối liên hệ cũng không có.

Ngay chính với xứ sở chúng ta, xứ sở tư nhân có nhiều liên hệ nghệ thuật nhất, lại chẳng bao giờ chịu khái khái hướng về và sáng tạo trong tất cả tinh thần thần thuộc đó. Lại chẳng tìm ra một khuôn mặt phẩm hạnh đủ nổi bật lên cho khắp nơi thấy rằng, nhược tiểu là vấn đề không thể có ở đây. Trong một thế kỷ qua đi, sự quan thiết của chúng ta là gì? Kể từ khi Nguyễn Du, kéo nền văn học chúng ta đứng vào một vị thế độc đáo nhất của nền văn học nhân loại, người ta vẫn còn khoanh tay an nhàn, mãn nguyện trong một hình ảnh duy nhất ấy. Tôi nói, Nguyễn Du là hình ảnh cuối cùng của thế kỷ thì ca của chúng ta, thế kỷ thì ca của một dân tộc nhược tiểu. Sự đó đã mang đến cái cao sáng tinh khiết, cái phong nhiên vô tận một niềm cay đắng. Nhưng số phận chúng ta còn tùy thuộc thời kỳ đợi sống đã tiến đến những bằng số chẳng dứt. Vậy thì có không những sự kiện được chuyển động để nảy nở mầm sống của con người mỗi chúng ta, khi thế giới như nhìn thấy có sự đảo lộn và định mệnh thời đại nằm trong tay chúng ta máy móc một cách tuyệt đối? Vậy thì có không nên văn minh tái thiết trên cái vỏ hình nơi tâm trí chúng ta một tiếng kêu giống lên của sự sụp đổ, cái phản kháng của nghệ thuật tưởng như sắp ngã trên đồng lửa bùng cơ khí?

Mong đợi một cái gì trọng tư tưởng tẻ liệt chúng ta, ngày hôm nay có còn được đáp ứng nữa không? Tưởng như có sự nghi ngờ cá tính của chính mình và tiếp tục tìm kiếm qua trung gian của kẻ khác, bằng cách đã đánh mất đi cái ngã chân thực. Tin tưởng vào những gì của kẻ khác nói là một

trong những thảm kịch gây chấn động thế kỷ chúng ta. Nó còn tiến tới sự hủy hoại, một trong những chức phận cao cả của con người, luôn cả sự thất bại. Nhưng tôi biết có một loại dưỡng chất được nuôi dưỡng kỹ càng trong những môi sinh chưa kịp nảy nở. Nó có mệnh hệ rất nhiều, đến nỗi chúng ta tưởng như sự thiêng liêng đã bước vào, len lỏi vào mặt đất xứ sở chúng ta.

Những kẻ có niềm bí ẩn lớn lao tới đời sống mang những âm điệu sâu xa hướng về sự tự hủy của con người và bản chất đã chếch choáng giờ của Lũ Quỷ Âm. Về cái đích thực chưa hề được biết tới. Tôi không nói đến mục đích của con người là cái gì, nhưng kinh nghiệm là ý nghĩa của những bài học lớn lao, khởi đi trong cuộc đời hay trong cuộc sống. Phải chăng nơi đây chỉ mới đề cập đến cái năng lực cực tiểu đã tùy thuộc vào định mệnh chúng ta ? Còn gì có thể phổ quát, dễ hiểu hơn số phận, trong đó chúng ta, mỗi kẻ là một số phận. Tức thời số phận thuộc nơi chúng ta, hơn hết nó là khai ngữ đầu tiên đóng đinh trên cái tối quyết cuối cùng và cứu chuộc cuối cùng. Đến cùng, viễn tượng tinh thần đầy sự suy tư đó, trở thành thứ lý tưởng chính đáng. Thế mà tất cả mọi người đều sợ hãi như nhau, khi, *Tự Do và Tự Do* trong những tương hệ và nghịch thù của cái chết đang tràn lan khắp nơi.

Người ta nói tới sự đầu độc lớn nhất, một phần quan trọng đã chỉ ở trong bản chất, trung tâm sinh hoạt của đời sống. Nhưng những liên kết sâu xa khác nhau đã khiến nhiều điều bí nhiệm trên trái đất này nở. Tôi nói, một cách phổ quát lan rộng, nghệ thuật mở ra cánh cửa đầu độc trước nhất. Vì rằng con người quả có chịu tin ngay vào nhiều điều bệnh hoạn hơn là cứu xét sự hấp hối nhiệm đạo. Tôi tin rằng cả một thế kỷ qua, nghệ thuật đã đi trên đây chẳng và đoạn tuyệt hẳn cung bậc nguyên thủy của loài người.

Những năm gần đây thế giới được mô tả hoàn toàn khác đi, biến đất cát như một thứ chất dị thường, trộn lẫn trong những cảnh vật dị thường. Không có một niềm tin, không một tiết tấu nào gần gũi hơn trong chúng ta, ngoại trừ đó là cái hướng vọng giả tạo. Những tên tuổi mà chúng ta còn có thể được trong sự sáng tạo và cảm nía mệnh mông, đó là người đã khiến thế giới phải quý phục. Sự đó đã liên hệ đến các nhà nghệ thuật nhân bản và các nhà khoa học tiến bộ.

Hơn phân nửa thế giới ấy, cái tiếng nói vẫn nằm nhiều nhất ở những nước nghèo khổ như Châu Mỹ La Tinh và phần còn lại thì ở Âu Châu và Phi Châu.

Vào năm trời sâu tuổi, tôi đã say mê ngôn ngữ đau thương của Hàn Mặc Tử, một giọng lưỡi cực kỳ điên cuồng và tuyệt vọng lên đến cao độ. Sự đó hiện dạng một bản chất đời sống mãnh liệt chưa từng thấy, tung cánh vút lên giữa trời đất như con Phượng Hoàng uy vũ. Cuộc chấn động lạ lùng nào vang lên sau cái thanh âm *Phượng Trĩ, Phượng Trĩ* kia...? Giờ đây, năm tôi hơn hai mươi, vẫn như tiếng động ấy, nhưng lại vọng về tiềm thức tôi một cảm nghĩa khác, chéch choảng say khướt hơn. Tôi run người đi vì nơi Hàn tử nhân ra một thanh ứng lạ kỳ của đau thương cùng cực và thiên tài cùng cực. Ngay lập tức, tiếng nói ấy khua đi xừng đàng trong người tôi và thời gian lâu dài của nó và tất cả đều một cách tin tưởng tràn đầy. Rồi cái hấp lửa được hâm nóng ấy dần dần được hồ hấp do nhiều năng lực tự nhiên khác, những năng lực sau này có tính chất sâu xa và bí mật hơn. Tôi cảm thấy ở bên tôi luôn sẵn chất nóng âm ỉ, một sự tiềm tàng đầy tâm hồn tôi vào bất cứ lúc nào. Nó có khả năng quyến rũ hơn, có thần hồn ma lực hơn, trong một thân thể chấn động hoàn hảo hơn. Đó là sự ẩn bí lớn của đời sống chính xác, vô cùng mệnh mông trong bản năng của chúng ta. Cũng như vết thương lòng nhức buốt của những bài thơ kia, cảm sâu vào, tiềm tàng biết bao là bí hiểm. Những sự đi tới đó, ai trong mỗi chúng ta lại chẳng thấy hay bất gặp đâu đó một lần, hơn một lần cũng nên, được kết hợp trong đời sống và kinh nghiệm của thức cảm.

Thật ra, có gì là đời sống, hình thái rõ rệt dễ được mô tả vào lúc này? Cứ như cái thời đại bốc khói, viễn ảnh suy đồi đang mở ra, cũng đủ làm chúng ta phải ngợp thở. Và chúng ta đã tất thở trong nhiều trường hợp, nhiều lần khác nhau! Rõ ràng là con người đã đánh mất cái ý niệm mặt thiết, cái thích nghi vừa phải và thiếu thốn nhiều nhất những khát vọng sâu xa.

Đoạn khai ngữ của tôi giờ đây lại khởi đầu sự thanh ứng kỳ lạ giữa tôi và Bùi Giáng, đã đáp ứng cho tôi cái tiếng gọi đích thực, xô đẩy biết bao sức mạnh tối thượng về sau này. Sức mạnh đó được đánh đi bằng dấu hiệu xuyên qua thế giới

chúng ta và được nói bằng thứ mặt ngữ truyền cảm. Mặt ngữ này chỉ có thể được đánh đi một lần và một lần duy nhất. Ngày nay tôi không rút ra ở những Tây Sý này khác còn sống mà có những đặc tính kỳ quái như vậy. Cái đặc tính mà bao lâu nay, tôi giữ kín trong niềm hứng khởi cô đơn tuyệt vời.

Thu thật tôi đã yêu đời, vui tươi, ngay cả trường hợp người ta nhận thấy đó một sự trái nghịch, không nên, tôi tự cảm chế không cho mình câu phải phòng vệ một thứ gì, cái khó đối với một con người ta đã buông xả trong sự hão hang đó — Một sự hão hang thường chỉ gây ra những tai nạn lo bích và buồn cười — Có lẽ có cái thanh tri cuối cùng để cho tôi chống đối đó là cái bản năng tự nhiên, phát nguồn ngay trong người tôi, một kẻ luôn luôn đối đầu về mình, với bao giờ cũng không chuẩn bị gì cả. Tất nhiên những sự vui sống của tôi đã trở thành một thứ triết lý, không thể không là sự kích thích, không thể không là những mùi vị tuyệt hảo được thừa hưởng cho linh hồn nhiều hơn là cơ thể. Thế là cái đặc tính làm người, trong tôi thường chỉ thấy sự phản lại, nhưng vẫn để tiết chế sự thoải mái đã lên cao, đến lúc nào đó, chắc tôi phải nuốt trôi trọn vẹn cuộc đời một cách hoàn hi, ít nhất là tôi đã có, quá có nhiều, nhiệt liệt thăm kín. Tôi không muốn phải đánh đổi cái chín mùi, cái thức trái cây tươi mát của thời thanh xuân, đập lên trên sự mãn tiệp của kẻ khác. Ngay cả với kẻ thù, tôi cũng chọn họ ở những điểm họ có những tương đồng nào đó, những điểm này quyết định cho sự bỏ qua nhanh chóng. Hẳn là tôi chẳng cần nghĩ đến bất cứ một sự bao dong nào hết, những chuyện ấy, nếu có, đối với tôi cũng chỉ là thứ nhạc đệm trong đời sống, tôi nay tôi vẫn thấy chính tôi mới là những kẻ tệ nhất trong những kẻ tôi đã nhìn thấy. Việc này chẳng liên quan gì đến chuyện thức tỉnh hay thanh cao gì, nó đối với tôi như một thế giới thoát với ngoại hạng mà tôi đã xử sự mình như một kẻ có đẳng cấp thấp nhất. Dù sao, tuổi trẻ vẫn là âm điệu đáng được nghe ra hơn cả, nó xuất hiện một lần đầu và cũng là lần chót : sự mạo hiểm lần đầu của thứ trái cây tươi mát, bất thần được phụng phẩm một chén cực độ, bất thức được mọc cánh bay cao sự nhiệt thành mình. Biết bao thứ kỳ lạ mạnh khỏe trong đêm cơ thể non nớt ấy !

Quả là kỳ lạ, tôi đã phở thác một lần sự đối kháng kia để trôi tuột đi như con chim tự do, bay vọt lên trong thi ca

của Bùi Giáng. Điều ấy tôi muốn nhắc đến hậu quả tất nhiên của sự ngưỡng vọng, sự đối xử một cách tôn quý trong thi ca Bùi Giáng, ảnh hưởng liên tục với bất cứ thời gian dài lâu nào. Có lẽ chúng ta phải để ý một chút đến sự cần cỏi, quái gở, sự thô thiển bất chấp của những gì mà nghệ thuật ở đây đã dung chứa, đã phở cập nhiều nhất. Tại sao thi ca Bùi Giáng lại chỉ có thể tác động một giới hạn nhỏ nhoi? Sự đó không phải là việc đáng chú ý sao? Sự đó còn phải được suy gẫm hàng thế kỷ nữa?

Trong tập thơ *Mưa Nguồn* cái lần tăng gì được nói đến nhiều nhất, ngay lúc nhất thời tôi đã hiểu qua bằng ngôn ngữ tuổi trẻ một sự nào nữa mới mẻ, một sự thành tựu cuối cùng thật đích thực. Trong tiết điệu suy tư đó là

*Những hồn sỏi lăn đi rất chậm
Chuồn chuồn bay không biết tới nơi nào
Con kiến bé có bao giờ lặn lội
Lúc đi về trong cỏ lục chiêm bao*

Nghệ thuật là những gì từng thức tỉnh nỗi đam mê hân hoan trong người tôi, tôi không cấm chế những nơi nào trong niềm vui đó; niềm biểu thị vang vọng của sáng tạo, nếu nó đi vào trọn vẹn trong thức cảm tôi. Không một nghệ sỹ chính thống nào lại không lên đường trong viễn tượng sỏi sục đó... Cũng như Nietzsche, tôi muốn tán dương cái đỉnh cao ngất ngất lạnh lùng là quê hương của chúng ta : *quá cao và thêm khát !* Có lẽ bây giờ đã có những yếu tố tương ứng để quyết định cho lúc tâm thần càng thăng trên xứ sở chúng ta, cái điều duy nhất chỉ chính chúng ta mới chữa khỏi và sử dụng thi ca như một đức tính cần thiết. Không một ai nghĩ rằng cái trung thực nhất lại là cái vô hại nhất. Như thế người ta tìm thấy ở đây không gì ngoài cuộc bị báng lớn nhất của tội ác. Có lẽ đã có những thy nhân đương thời là những kẻ mang cái tâm thức đặc biệt, cũng đứng dậy trong cái lịch tận kia, khuấy động lên tấm thảm tương lai với tất cả tâm kỳ nhìn thẳng vào thế giới, thế nào là cái thiện và cái mỹ tận cùng? Với tôi nó được mở ra cái địa vị thứ nhất ở nơi thi ca Bùi Giáng.

Ở một nơi khác ông viết : *Thời Đại mất tuột Thời Gian của Thời Thế*. Chắc rằng nó đã được mệnh danh trong cái sự mặc định thường, trọn vẹn khô héo khản trương của thời đại. Nghĩa là chúng ta phải chịu thế trông sự cư mạng do hình phạt từ trái tim, từ lẽ tuyệt diệu nhất của bóng tối đã gạ gẫm nơi

cuộc ra đi của trái đất. Như thế trong trường hợp Thy Sý đã hợp xứng như một kẻ sáng tạo và quá đầy tràn sáng tạo, kẻ đó nếm cái mùi thất bại, chào đời trong vỏ số sự bí ẩn, những gì hoàn toàn đặc thù xung quanh, dường như đã sanh ra để cắt nghĩa cái thế kỷ chúng ta. Hoặc giả cũng được đứng trên đầu ngọn núi cao nhất mà vẫn tiếp tục sống trong mùi vị loài người.

Là những gì đã được đánh dấu một bên cho những nét chấm phá vào lúc khai sinh của Tiên Nhân Loại, người ta phải chịu trái qua, phải được biết xé nát trái tim mình, rung roi như trái chín xuống trần gian. Trần gian đối với tôi đó là cuộc tấn công rộng lớn, từ cá nhân này qua cá nhân khác, mãi mãi. Ấy là thứ kinh nghiệm tế nhị cao cả khi tôi muốn khai chiến, khi tôi muốn đánh giá trường hợp bản thân mình. Trường hợp đó thì địch thủ vô hình ở khắp nơi, không một chuẩn đích nào để nhận ra nữa. Dưới chân tôi là một mặt đất vô trăn ; dưới nhĩ giới tôi là điều thất bại của lòng mình, vì nó thể hiện ra tất cả sự vật đều trần trụi thái quá, mà cuộc đời thì phi nhiêu bao la, mệnh mỏng khôn cùng. Cứ tưởng rằng tôi đang nghịch lại mọi thứ triết lý nào khác, thì quả tình có như vậy. Tôi không bao giờ đặt mình tin tưởng tuyệt đối một cái gì, nếu cái đó tôi chưa uống được đời sống, nọc cặn những giây phút hợp lý, dù có nhiều thứ hợp lý khác nhau vui tươi hay bi đát. Nó làm chúng ta rộng mở *bài hát có đơn về loài người*, rộng mở cõi lòng như một nỗ lực kiểu kỳ diệu cảm trên tình yêu thương rộng lớn. Điều mà chúng ta, chứ không phải ai khác — hãy nói cái sức mạnh phần bội đó đi ! Sức mạnh luôn luôn dùng thời đại như một điểm tựa ! Điều mà tôi muốn nói, Bùi Giáng, người nghệ sỹ lý tưởng vĩ đại ở thời đại chúng ta. Trừ phi những kẻ đã không đủ niềm tin từ máu huyết của thi ca một sự chân xác thần cảm. Và nữa, sức sống kỳ dị của một thứ ngôn ngữ kỳ dị, không thể nào có trong đồng loại ngày nay. Làm sao tôi có đủ niềm bí ẩn ớn hơn để chia sẻ cùng Bùi Giáng cái ảo diệu trên khuôn mặt thi ca của ông ; nó thoát vời như một thứ núi cao lạnh cóng của Nietzsche ; phiến điêu một cách vô cùng như nhịp đập của thơ Hoelderlin. Dù rằng giờ đây, tôi cũng ở trong cái chủng loại tối tăm, cái chủng loại *mất luật thời gian của thời thế*. Dù rằng, tôi cũng mang dấu hiệu của thời đại, đi xuống trong trái tim bốc lửa, đau đớn trôi buộc kỳ cùng trong cõi thế phù du, những gì

mệnh mang tịch tịch nhất. Tôi tưởng một ngày tươi vui nào đó chúng ta sẽ xóa bỏ hết đi, đồng thanh xóa bỏ, khi đó chúng ta sẽ xích gần lại thì ca lớn. Nó là tiếng nói đã phát xuất từ kẻ đơn độc, trái tim từng khát vọng về cái gì trên con người.

Có lẽ tôi quá xúc phạm lên cá tính nhân loại, nhưng làm sao hơn khi mà nhân loại thiếu mất đi cái chất lửa hồng dịu như thì ca chẳng hạn. Một lỗ hồng to lớn !

Từ thì ca Bùi Giáng, là một bản thông điệp khác thường mang những ẩn ngữ khác thường, khuyến dụ lòng ham thích chúng ta nhiều nhất. Như chúng ta bị khu xử trong chất lửa kỳ bí kia, một nơi nướng nấu rất chính đáng, đáp ứng lời gọi từng thể nghiệm của chất lửa dài lâu và thời gian dài lâu kia. Bây giờ, tôi cảm thấy phải bảm lầy, phải nghĩ rằng đó là cái khủng khiếp nhất, táo bạo nhất của vịnh cứu thoát ra. Cho đến khi sự bí mật ấy bằng bạc khắp con người tôi, như một kẻ tin hữu cuồng nhiệt, đẹp và xấu không có nghĩa gì giới hạn trong người tôi nữa. Mà ở đây lại chỉ tràn đầy cái đẹp, cái đẹp khắp cả trong thơ ca Bùi Giáng. Mà ở đây lại chỉ tràn đầy niềm vui tươi, bộc lộ một cách khi khái, bộc lộ trong bất cứ trường hợp nào. Phần chiếu qua sự vật là tất cả những gì đã phản chiếu. Phần chiếu là khuôn mẫu trong trắng trong thì ca Bùi Giáng, là bởi cái tính cách tuyệt đối của nó. Không nghĩ ngờ, tôi đã thả mình trôi phăng xuống giòng sông êm ái ấy, và được soi sáng bằng lời thường thức âm điệu của riêng tôi, linh hồn dưới dấu hiệu bất nguồn từ bản năng sâu xa tự nhiên. Giờ đây nó lại mở ra thêm một cửa ngõ đặc thù khác, cũng một thức cảm ban đầu, nhưng lại đẩy động lên *như cầu tâm lý lớn nhất*, té liệt trong những bí ngữ phong phú. Nơi cùng tột. Một thế giới cùng tột.

Ngày nay sự nổi bật của thế giới như thế khiến tôi vừa lúc phản đối, vừa lúc yêu thích những cái gì thái quá, thái quá đối với tôi là những bài học tuyệt vời. Mà thì ca Bùi cũng là một cái gì thái quá. Một cái gì không còn rõ rệt, không còn giải thích được đối với những trái tim thông thường. Vào những lúc như thế, tôi đã hiểu thế nào là sự ngạo nghễ bên trên chiều dài của thì ca.

Đại để là tôi đã học được luật tắc tự nhiên ; nhưng quả thực thơ Bùi là một sự tấn kỳ dài lâu, sự hài lòng đối với

tôi hết sức trọn vẹn. Chẳng hạn sự thuần khiết duy nhất mà tôi đã tìm thấy trong mẫu mực thi ca của ông. Sao lại không đắm bồng một chiều hướng đích thực ? Khiến tôi nghĩ đến sự hiến dâng mình cho sa mạc vô biên của Rimbaud, đắm đuối trong mùa địa ngục, ôi những mùa, ôi những lâu đài, ô saisons, ô châteaux ! Lại nữa, mười năm cuối cùng của đời Nietzsche (1889-1900) là một sự im lặng điên cuồng gì, thật là sâu sắc biết bao ! Chẳng bao lâu, rồi đây cái giờ sống của chúng ta cũng như vậy, được mở cửa từ nơi nghĩa trang rù rượi nào đó với lễ tất nhiên trước những dấu hiệu đã cháy bùng. Chúng ta khô héo ngay lập tức vì những đám ma bệnh hoạn trọn vẹn.

Hãy nói lên sự ứng nghiệm nào, thực sự là những ứng nghiệm nào. Trong khi nó có liên hệ đến những kẻ lộn ngược thời đại. Lộn ngược trên buổi suy sụp tàn rụi của các thần tượng. Kẻ ấy lại trở nên hoàn hảo ngay chính thời đại chúng ta và chúng ta bị ràng rịt mãi trong bi kịch đó, cho tới lúc tận thế.

Mỗi chúng ta đã trở thành trong cái hoàn hảo của bản năng khoa học, tiến trình tận tuyệt của cơ thể, rồi đây sẽ được thay thế bằng những mớ sắt lạnh. Là một trong các trở ngại đã khiến tiếng nói thi ca trở thành vô giá trị. Nó khiến một phần nhân loại ngày nay cách biệt. Thi ca bị dập vùi như thứ xác chết. Một ngày kia, thế giới được nhìn lại, thế giới phải được trả về cho thy nhân, phải được cải tạo như bước trở lại nhà, sau những ngày lều lộng hoang tàn.

Có những điều chúng ta cần thiết lập lại trên trái đất này ? Sau khi thế giới như đốt cháy đi mất cái âm điệu toàn nhiên của sự vật và tôi tin rằng đó là sự bội phần lớn nhất của thế kỷ. Kinh nghiệm đau đớn ấy đã được thể nghiệm qua thi ca Bùi Giáng, giống như một giấc mơ nhẹ nhàng như thấy những con thuyền chiều hôm phớt qua trên mặt nước hồ im vắng. Cơn đất trắng mờ sương gieo giọt nhỏ. Trút cho đời vũ trụ mọc hoang liêu. Tất cả đều im vắng trong niềm kinh hoàng. Tất cả những gì được xúc tác lần đầu tiên trong chúng ta là đem đến cái hơi thở, cái dưỡng chất bình hồng, bốc hơi từ mặt đất trộn lẫn vào đời sống chúng ta, giờ đây là cả vũ trụ sụp đổ nhanh chóng, cả đến cái nhu yếu quân bình trong giác quan chúng ta cũng không còn bên nhay, cũng không còn đập nhịp rộn ràng nữa. Chẳng phải chúng ta đang đối diện trước tuyệt vọng và khát vọng đó sao ? Những kẻ đích thực thâm thiết với trái

đất là ai ? Những kẻ đó từ nay chịu trần cuồng phong bão táp nào ? và ngôn ngữ nào của chúng loại ?

Cuối cùng, chúng ta giống như một đàn chúng loại trần trụi, là một chúng loại trần trụi ? Quả thực, trong cái chuẩn xác được nhìn thấy ngày nay là con người chẳng bao giờ tiếp cận được với bản chất mình. Cuộc luyện ái vị kỷ sẽ mang chúng đến đâu hơn nữa ? Một cách nào đó, tôi kêu to lên rằng : Thế Kỳ Chúng Ta Chăm Dắt Hủy Vọng !

Điều ấy không từng bảo chúng rằng con người là nơi chốn duy nhất, con người chờ đợi con người, con người tiếp giáp con người, trên mặt của trái đất, cõi chung của những định tắc tư tưởng ngày nay. Tư tưởng trong những gì còn mãi mãi liệt hơn những gì mà chúng ta đã quay lại, con người tiếp cận trong những giờ phút nào, và đối chơi với từng ấy tất cả sự nín cảm lạnh lùng. Cứ gọi như là chúng ta đã đẩy đồng loại trên toàn thế sự vật, cuộc xô xác trong hình ảnh của loài bỉnh mình hồi sinh cuộc đời, cuộc đời hồi sinh và ktu xử nơi mình những bước chân phù ảo. Nó chẳng là Người trong một giây phút thâm thiết nữa. Mà kẻ ấy càng không thể chối bỏ về một giá trị nào, lòng chuẩn xác sấm sét đánh trên đầu chúng ta, dưới khái niệm mới về lòng thanh thần và tội ác. Đồng thời hồi ánh em vận dụng sức mạnh của anh em, hồi những thi nhân vận dụng sức mạnh thi nhân, nguồn khoái cảm của ta ơi ! Bởi do chính cái vô cùng tới cực đã giống nhau, đã tán ca trong ngôi đền cổ đại cuộc biểu uy lớn nhất, cho đến lúc trở về một mong ước sâu kín ngă quý trên chớp đỉnh của hồi sinh !

Ngày kia, bị ẩn như những trái giủ chín được mang về, mang về cho cõi thấu thị lớn nhất, phủ bầm ngay trong xác thịt chúng ta, giờ phút mới trón những giai đoạn xuống dốc dễ làm nổi bệnh bùng lên trên — vốn sự khỏe lành là đơn điệu của đời sống, là tiếp cận hư không với hư không trong sạch. Quả thực, sự nỗ lực của con người trên mặt đất là sự nỗ lực cho những giấc mộng, nỗ lực nhiều lần cho những giấc mộng, chính lịch sử loài người đã bước lùi những bước trầm tư thoái bộ. Chính loài người đã tách rời giấc mộng đó ra đặt lên trên thời đại như đôi hồi sự trầm tư, một cách trầm tư đặc biệt gieo mình trên nguồn của những con suối vô hạn là tinh thần phần chiếu lớn nhất, bất cứ nơi nào trên mặt đất, tan thành mảnh

nhỏ cho những đức tin và thi nhân, kẻ tạo thành niềm đơn giản tọa thị giữa chúng ta ? Hay là tư thế của cuộc trầm tư sắp mình trên núi cao ? Không phải đó là cái bí ẩn trong cái bí ẩn lớn nhất đó sao ? Đợi khi tôi tin tưởng rằng như thế thì cuộc phiêu lưu vào nơi chính nguồn trí cảm chúng ta đã có thật, đã thích nghi với bất cứ ở đâu, con người vẫn thường hằng trầm mình trong những phép lạ, cái phép lạ xuất ra từ cuộc đời. Sự kỳ diệu chỉ có ở đấy và mới cảm nghiệm tận cùng. Như trong tình thần tự do vô song, tình thần tối hậu của những vấn đề cấp thiết và sinh lực chúng ta trong tư tưởng ban đầu của vũ trụ, cấu tạo đặc biệt, hiểu biết đặc biệt. Tôi nghĩ đến thế giới kỳ vọng của tuổi xanh, ban đầu, duy nhất mà tôi đã tìm thấy cuộc thỏa hiệp, tương nhượng kỳ cùng những năng lực, vĩnh viễn đưa người ta đến nơi chốn an bình, xử sở tiếp cận của tình yêu mở tung và rồi thiên cảm, thiên cảm đầy ắp... Ở đâu không có thiên cảm ở đó xiết bao đám đông ngã quỵ ! Tôi tưởng như thiên cảm là đức tin duy nhất đã nuôi dưỡng sự hiểu biết ngày nay ; ngày nay thiên cảm là gì ? Cái đức tin gì nở bung ra như thế ?

Song le, tôi chỉ chia xẻ ở đây sự đơn điệu, quá đơn điệu của thi nhân, có thể chẳng bao giờ trở thành thế giới của người đời, hoàn cảm những giây phút nào độc lập từ tâm hồn chẳng hạn. Hoàn toàn là chúng ta chưa uống trọn giòng đời, uống trọn những gì bị thương, cực kỳ bị thương như những giòng nước xanh ngắt tận suối nguồn, và tôi muốn suối nguồn đó phải chảy trôi trong những giờ phút trầm trọng, ôi cực kỳ là đen tối của cuộc đời ! Ôi cực kỳ là lặng lẽ như một kẻ sắp chết dưới thời gian mình ! Những gì đã ghi lại nơi thời đại buồn thảm chúng ta, tôi muốn trao lại cho thời gian dài lâu, nhanh bước chân tới những bài học của kinh nghiệm — sự thất bại của những trái tim lớn nhất — tất cả đều là chuỗi dài của kinh nghiệm của thời gian dài lâu. Sự hưng khởi trải qua hai mươi thế kỷ, những thế kỷ thăng trầm, những thế kỷ ủ kín niềm sáng tạo, tôi đã nhìn thấy qua một màu sắc mới lạ, sự sử dụng triệt để của những trái tim đen tối, sự im lặng là ảnh hưởng lớn nhất cho con người ngày nay nhảy lùi trong cuộc trầm tư của mình, và năng lực đã thở trên chóp đỉnh thế giới. Giờ đây, giữa mức độ trầm trọng nhất, chúng ta lại đi vào trong một phong thổ mới, cái thiên bất cứ điều gì chúng ta còn mong đợi, con người từ trên có liêu bước xuống,

những bộ óc hiểu rõ cho sự thần bí tình cờ, sự rõ ràng của con đường lặng lẽ và một trường hợp *méliorisme* đáng nghĩa nhất đã tìm thấy trong nghệ thuật trình truyền đen tối của thơ ca Bùi Giáng. Đường như tất cả chúng ta là làm nỗ lực cho mục đích ấy được sáng ra, được trầm tư trong bước nhảy lùi của đêm tối, tất cả là sự chiêm hữu, giống nhau một cách dễ dàng và cũng khác nhau một cách lạ thường.

Thế là tôi không còn phải bước những bước dài khó nhọc. Nhưng đòi hỏi tế hạnh đã quyết định từ đây thăm sâu đó một bước dài toàn diện, bởi sự chính xác là thường của trí cảm hay bởi sự lộng lẫy *illuminer* trong người tôi là cái gì đã gần bó mật thiết, đã thủ đắc như tấm gương thuần nhiên. Như thế trong thơ ca Bùi, con người tôi hoàn toàn đã nhũn lầy, hoàn toàn làm kích thích giòng máu ù lỳ chúng ta và may thay đó là sự sâu thăm mà chẳng bao giờ chúng ta chịu nhìn thấy. Chính tư tưởng tôi, ngày nay vẫn còn tác động những dấu vết lang thang của ông, đi tìm sự khao khát phong phú nào, mà luật tắc thiên nhiên đã đẩy sự mạnh ra đằng trước. Chúng ta lại trở thành những kẻ nhảy lùi thụ động. Cái thiện trong thơ ca Bùi là nhảy lùi những bước thụ động đó vì chúng ta vì cuộc dâng hiến với mình và tự ngã. Ông có ngờ không sự chiếu diệu trong thơ ca ông lại quyết định hết cái tinh thần ngày hôm nay? Tôi nói, cái giờ phút cuối cùng, rồi đây tất cả chúng ta sẽ nghĩ về, biết bao viễn tượng sẽ về nắm tay nhau sau những thời gian lạc lõng và chán chường thất bại. Một bên đó, tôi đã thấy được sự thủ đắc tài năng ông, sự thủ đắc công nhiên được nhìn thấy những gì nằm trong chớp đỉnh vô cùng của thi ca. Bởi đâu sự thấu thị đã được đi xuống, hình ảnh của «Sầu Thoan Nghê dậy bên mình đêm chiếu» là cả sự thích ứng trong cuộc trầm tư chúng ta, là cả tinh thần thể nghiệm trái đất. Nhưng quả tình nó đã bị khước từ trong lịch sử ngày nay. Hẳn là lịch sử ngày mai sẽ quy thuộc về nó như thế nào? Hẳn còn cái cảnh hướng nào bi thảm hơn thế nữa dành cho thiên tài? Nào, những kẻ yêu chuộng sáng tạo tôi nghĩ, thời cơ đã đến để chúng ta nắm lấy rồi đây. Như cực đỉnh đã nằm trong ý nghĩa của «con Thoan Nghê» trở mình. Tâm hồn, phải chăng đó là sự bí ẩn đã định hoạt nhiều nhất?

Một ngày kia chúng ta sẽ bị chìm ngập trong biển cổ vĩ đại ấy, sự kiện là người ta đã không thể nào khinh xuất cái ánh sáng le lói của thời đại ngày hôm nay, ánh sáng ấy là cuộc

chiếu diệu đến cùng. Hẳn là tôi đang sống bằng ngón ngó mộng mị của chúng loại, đã cố gắng cho sự thất bại của chính tôi để cho sự tự thành phải tự thành, sự thất bại phải chính là sự thất bại, hoặc là chúng ta đón nhận một chút gì, trở thành tất cả và chấm dứt những biên cương rộng mở. «*Những trái cây vẫn thục của một mùa Di Sản đang dần dập bước nhanh về chung cục. Những trái cây lay lắt trong thâm thu vãn tiết đang linh cảm một bình minh không có tuổi tên để gọi.*»

Chính người Thy Sĩ ấy đến hiến mình và biết bao tặng vật trao gửi cho cõi quang đại như những cánh chim la rực rỡ bay ra, cùng cả con Phượng Hoàng của Hàn Mặc Tử đã lướt đi trên đồng tro tàn thời đại. Một sự cống mình cho mặt đất và sự tuân cam của tự ngã. Tôi cảm thấy đó là cuộc làm mới đi thế giới mai hậu, một cuộc quân phản hủy diệt đi tất cả ngồn nguỵ chúng ta. Giống như mỗi tình đầu dâng mãnh khiến tôi phải ngu quí, thậm bại trước sự hùng vĩ, trước cái cao ngạo tuôn trào. Tôi đã quá biết thế nào là sự mệnh mông trong lĩnh vực đó, thế nào là bề mặt của vũ trụ đã mở ra trong trái tim, sự chờ đợi khao khát chưa từng thấy. Ất hẳn hình ảnh gì đã kéo dài niềm tin ra, tự thành hơn thế nữa cho suối nguồn bền bỉ nhất cho kẻ mơ tưởng đến cuộc đời nhiều nhất. Nơi ông, cái tính cách xác quyết đơn giản đó, một khi, nếu chúng ta chịu đọc toàn bộ thi phẩm của ông, chịu đọc và sống nhiều nhất, chịu trở mình trước cuộc đời, trước cái ca, thì còn trái tim nào dễ tin vào bình an hơn ? Quả thực, nó có đầy đủ niềm kỳ dị, hơn là tôi đã cố gắng nói cái thế giới ấy ra đây : một thời giới đầy tai họa diêm ảo và bất cứ lúc nào tình chất của niềm vui cũng được công bố.

Thi ca khuấy động tôi trong những năm tháng khát khao và cô độc — sự cô độc là sự thách đố cho kẻ đi đây trên thời đại — như sự sáng tạo là một cách phân ly đau đớn trong nghệ thuật con người — Rằng luôn luôn tôi hướng về thế giới thần kỳ phong phú, xiết bao cuộc vật lộn hăm hiu của âm điệu và tìm thấy sự buông xả các tâm hồn thượng đẳng. Như thế người ta mở cho tôi những cánh cửa gần nhất, mau nhất, trên tất cả cánh cửa tiêu sái của thời đại. Người ta mở ra đủ cho tôi cùng lúc nhận cảm và khép kín sự mong đợi của mình. Duy chỉ, nếu đem bài thơ *Sa Mạc Phát Tiết* ra đây thì cũng đủ mãnh liệt để kêu gọi lên sự tội trọng ô nhiễm của trái đất —

sự đó còn thấy diễn ra một lần trong cơn bệnh ngặt nghèo của Rimbaud — Lời mời gọi được vén mở, bên kia nghệ thuật không phải là sự đồ vớ, nhưng lại là sự đồ vớ cực cao : *Trên vòm thời đại đi quanh, Rách quần quỳ đạo tan vành nguyệt hoa !* Không phải đó là sự nhận thức tìm thấy đó sao ? Cái chìa khóa để mở những cánh cửa đó ra ? Hẳn là từ bên kia con đường rẽ trắng của sa mạc, con đường mà chúng ta phải chịu tan nát nhưng được đổi mất, được nâng cao trong phong thổ mới của chúng loại và được bài biểu nhiều ý nghĩa nhất. «*Nếu kẻ ấy hẳn nhiên nhận ra hình ảnh của bước đi...*» Ông đã viết như vậy với dụng ý nào, giờ đây, lại khiến chúng ta phải gieo hạt mầm và hạt mầm của chúng ta từng mơ ước ? Mảnh lực mới của thơ ca ?

(Trích trong tập «*Bầu Giông, Sa Mạc, Gung Chóp Thời Hiện Đại*», sắp xuất bản)

PHÊ BÌNH
ĐOẠN TRƯỜNG VỎ THANH (1)
CỦA PHẠM THIÊN THƯ

NGUYỄN CẦU MỤC

Ngày xưa Thánh Thán và Trúc Sơn cùng ở trọ đất khách, trời mưa nằm nhìn nhau buồn rứt, rồi bày nhau nói chuyện sừng cho đỡ buồn. Đến hai mươi năm sau, nhân phê bình vỏ Mãi Tây, đọc đến chương «Khảo Hoa» thấy con Hồng thốt ra toàn những câu sừng miệng. Thánh Thán liền ghi hết những mẫu chuyện sừng giữa mình và Trúc Sơn năm xưa để thay cho lời bình. Ấy chẳng là thêm một cái sừng kỳ diệu sao? Mâu tôi vốn thích chuyện sừng như vậy. Và chính đời sống của tôi đầy nhiều phen những chuyện sừng đã thành linh mang tôi — Có cái sừng vẫn còn mãi cho tới bây giờ — và tôi quả quyết đến đời sau, hẳn cái sừng ấy không thể tan biến được — Nhưng quá thay, tại sao tôi cứ đề cập đến chuyện sừng. Hẳn Thánh Thán từng đề bút khen sáu bộ Tài Tử với cùng một con mắt (khen) — ấy là sừng là đúng điệu quân tử. Ông không bao giờ chê ai (đúng hơn không thêm chê) vì chắc hẳn chê là mang tiếng tiểu nhân rồi. Có điều trái lại là hôm nay đây, tôi sắp sửa chịu mang tiếng tiểu nhân để ghi vài ý nghĩ thô thiển của mình về một sáng tác thời danh. Tôi biết rằng đặt bút chê một quyển sách có hình thức khá nặng ký, nếu quả thật đáng chê, quả thật tác phẩm không đề đời, thì việc làm của tôi rõ đáng ân hận, rõ là kẻ tiểu nhân rồi. Vì tôi đã tìm chim què để bắt chứ nào dám bắt chim bay. Nhưng

ngiht lại đối với thời đại tôi đang sống đây thì thi tập mà tôi muốn bàn tới bình như nó đã có một chút vang tiếng rồi. Cho nên tôi dành nhận chịu tiếng sán si, để mai ngày tôi còn nhắm yên được mắt. Hơn nhiên giữa thời đại này lời nói của tôi như một tiếng chim kêu lạc ; Nhưng tôi còn hy vọng lắm người muốn lên tiếng về thi tập Đoàn Trường Vô Thanh của Phạm Thiên Thư, mà vì hoàn cảnh nào đó nên họ chưa nói đến thôi. Do đó, trái ngược với cái sườn của Thánh Thán — Tôi nói : đặt bút bàn đến thi tập ĐTVT của Phạm Thiên Thư vào lúc này vẫn là một cái sườn — Phạm Thiên Thư là một người tài hoa, vì có tài hoa nên mới viết nổi 3591 câu lục bát dựng thành một tác phẩm lấy tên là Đoàn Trường Vô Thanh. Ngoài cái đề ra ta còn thấy tác giả có ý viết tiếp truyện Đoàn Trường Vô Thanh của Nguyễn Du (linh hồn van học Việt Nam). ĐTVT gồm có 27 chương, nếu gọi là truyện thì là loại truyện có đầu mắt đuôi hay có đuôi phải mất đầu. Vì thường ở mỗi chương tác giả cho nhân vật hồi tưởng lại quá nhiều, hay lạc hồn vào những giấc chiêm bao. Cho đến chương 27 (chương cuối) tác giả từng đường nên mới lờ cho người đọc biết đó là chuyện huyền thoại. Mục đích của tác giả mà chúng ta thấy ở chương đầu và chương cuối là làm đứt hẳn cuộc Đoàn Trường của Kiều. Dựa vào «tham, mê là lụy trần hồng» (5) nhưng «ngã, nhân đã vượt, thế tình đã qua» cho nên «xưa là Giọt Lệ — nay là Hạt Châu» (15). Đến chương 27 tác giả tự mãn «sương trời đọng ngọc tình anh — hóa hiện trên cành dẹt ánh thơ tiên» (3591-3592) quả chính diều «vượt qua đoạn lẹ» (3536) này là chủ đích dựng thành tác phẩm của tác giả. Thì chúng ta thử xét tác phẩm có thật sự vượt qua chăng ? Và vượt qua bằng cách nào ? Hay vì tác giả lỡ quá vui say thêm chân vào rắn, rồi vì lỡ thêm chân, nên đánh liều cho rắn đội nón, mang sừng... Đáng lẽ Đ.T.V.T. phải tóm lược từng chương một. Nhưng để nhìn thấy cái tài gõ rỗi của tác giả. Chúng ta tạm tóm lược chương cuối cùng là chương 27 trước. Vì có thể chỉ cần đọc qua một chương sau cùng này thôi, chúng ta vẫn thấy được cái tiêu xảo cái quần quanh li bì đầy cả tác phẩm — «Xem như một chuyện huyền thoại — Nói thôn Bạch Vân một thiên sự đã kể bên bếp lửa luộc bánh chưng xuân cho một thi nhân, một nông dân và một chiến sĩ cùng nghe rằng — Ngày xưa có một gã ngâm thơ lâu đói bụng, tạt vào chùa Hương ăn nhờ cơm, đêm nằm nghe

chuông, rồi tự nhiên chừng ngộ» — «Cõi lòng siêu thoát mang mang» (3523). Sáng ra lên Động Hoa Vàng thấy chòm Ngọc Lan già chợt cảm xúc rồi dột thành một trường ngâm. Sau đó già chết (tìm đồng thanh thạch). Rồi hài thơ linh ứng vào hoa, hoa biến hóa thành người. Kiều được hóa thân từ đoá lan linh ứng ấy. Cũng như tất cả cây cỏ động mây hương đều hóa thân ra Mã, Sô, Kim, Hồ... Sau đó vì nặng lòng thương vì muốn bài thơ của mình phải vượt đoạn trường bay cao lên, nên già đã ứng thân thành Từ Hải để bài-thơ-tức-là-đóa-hoa-đóa-hoa-là-nàng-Kiều qua khỏi cuộc đoạn trường (qua khỏi cầu đau thương). Kiều bây giờ là cô la hoa. Cho nên bài thơ đã thoát vận hóa thành mình triết của trời người. Tên nhà nông nghe Thiển Sư kể cũng phải mỉm cười, xấn tay vớt bánh dầy ra rồi, bánh chổng trên rồi hạc quang bỗng tỏa sáng ngàn — Một ước mơ thật là to lớn «hoa thành mình triết trang nghiêm trời người» (3570) được hay không? Ngay xưa Tô Như viết truyện Kiều đến như thế mà cuối cùng tiên sinh chỉ nói : «Mua vui cũng được một vài trống canh». Vậy mà nay có người vẽ voi lộn rần nên chương 27 này là chương gỡ bót đi những lí bí ở những chương trước. Cho nên có thể chỉ cần đọc một chương 27 là xem như đã thưởng thức hết được những gì trong ĐTVT là lẽ ấy.

Từ đó, ta xét thấy tác giả quá ham hố, quá lạm dụng tái hoa của mình, cho nên mới có đầy đủ những nhân vật chết trong tác phẩm. Những nhân vật vì bút phóng quá đà rồi tự nhiên lọt ra, lọt ra không lẽ đứng trơ, nên cho chúng mùa mây. Cũng vì thế mà bắt chúng mùa mây trong sự gượng gạo, giả tạo.

Như ta đã được biết thêm ý của tác giả là «cho thơ hòa với mệnh mang, cho mệnh mang động hạt đàn vô thanh» (3559-3560) để đi đến «Đoạn trường xưa hóa trường thành lung mây» (3562). Nhưng khi đi sâu vào tác phẩm ĐTVT thì không có những chứng cứ gì để giải được cái cuộc đoạn trường ra cả. Tác giả buộc dây thêm cho Kiều thì có. Ta được biết nơi chương 2 đời nàng Kiều bây giờ đã chơi vơi trong cõi diệu huyền. Có phải vì quá diệu huyền mà Kiều đã quên phút đi việc đầu đọc trẻ con (chương 3). Nhân một buổi đi chơi vào chiều thu, chợt thấy Tiểu Nguyễn con của Thủy Vân, nàng ôm nó vào lòng và Kiều đã dạy ngay cho Tiểu Nguyễn rằng cuộc đời như bóng mây, đêm đêm ngày ngày lang thang mãi miết (99-100). Những câu nói thật đáng trơ mặt thay. Đến chương

4 chỉ vì buổi đi chơi khi chiều mà đem ấy nằng nằng ngờ ngờ ngẩn. Có gì đáng ngẩn ngờ đâu. Thế mà vẫn tranh nhợ đến duyên kiếp của mình nên nửa khuya còn mộng bổng ứng với Kiều ngay (174) mộng rằng:— «Chân Kiều vừa rời khỏi mái Tây thì thuyền mây đã đưa nàng; bổng bồng trên sóng xanh, ở đây số đoạn trường được mở ra, mới hay qợ trần bụi vương chưa trả hết (184), cho đến tiếng đàn năm xưa bất phải nổi trời để trả cho hết nỗi bi oán của năm xương vùi lấp chân trời (187).» — Bốn chương đầu tác giả cho ta thấy cái mộng mị kia còn chịu kiếp đoạn trường. Thế mà tác giả lại mô mẫm gổ lầy (giải vắn) bằng cái tro bịt mắt bắt bóng. Nghĩa là bên cái thực luôn luôn có cái mộng. Bắt bóng đã là một chuyện khó, thế mà bịt mắt thì làm sao còn thấy bóng để bắt ! Chứng ta lần lượt thấy các chương sau. Kiều sẽ nghe cây đàn thiêng kể về cuộc đời mình (Tứ Hải), nhưng kỳ thực chủ của cây đàn vốn là một tên loạn quân và gã đã tự tử trước công đường của Kim. Phải chăng đây là một nhân vật (là ảo tưởng) mà tác giả cố ý đưa vào để giải vắn đoạn trường cho Kiều ??? Tên loạn quân đã chết chỉ còn lại cây đàn, cây đàn hóa thân Tứ Hải ? Theo Tứ kể lại thì chàng phải đưa người nữ liệt sĩ Trần Nguyên Mai vợ của gã về cố hương. Nhưng Trần Nguyên Mai đã chết, như vậy hóa ra chỉ còn đưa cái anh linh của nàng thôi. Đem Trần Nguyên Mai hóa sinh thành hình ảnh Kiều, đem gã loạn quân hóa sinh Tứ Hải, là chơi trò bịt mắt bắt bóng. Ta cần phải tóm lược chương 5-6-7 để thấy rõ hơn. Chương 5 viết : «Tiếng đàn giải vắn tẩm tức vang lên dưới bóng trời ta. tiếng đàn đau đớn, đe mệ, vật vờ, lằng lằng từng khúc để giải mối oan xưa (220). Kiều hóa thân vào âm thanh, đến như mây hạ thấp xuống, không ngờ ở sân ngoài chàng Kim nghe được. dù Kim muốn nghe nàng đàn tiếp, nhưng tiếng tơ đã im bặt, nàng cứ tưởng phàm sẽ dừng lại như lời nguyện xưa, nhưng chât lòng riêng không thể bỏ được (233-234). Nề lời Kim, nàng đã thả cung ngợ ngắc đến não ruột, khiến hé Tiểu Nguyên (con Thúy Vân) vừa đến đã reo lên — đàn chỉ khiến nở thêm vài cội bông (251) — Thấy thế Thúy Vân cũng không dám dặt con mình đến gần âm ba của tiếng đàn. Nên Kiều đã phản trần với Kim là từ đây nàng sẽ cất mãi tiếng đàn xưa, vì tiếng đàn mỗi lần cất lên như buồn lòng quân tử. Kim nhất định chối từ, nhân đấy Kim kể cho Kiều nghe một vụ án mà chàng được xử ở công đường khi sáng. Một tên loạn quân trọng án (277) khi đưa ra trước công đường hẳn

cứ đứng trơ và đòi tự cắt đầu. Lại thay hẳn mãi mang cây đàn bên người, hẳn xin hương thấp, rồi lay cây đàn (279), lay xong máu bỗng trào ra miệng, mắt trũng uất khí, tiếng cười như tên hay khiến ai nấy đều khiếp rợn — Thế rồi tên loạn quân kia ôm cây đàn ngã lăn ra chết. Kiều nghe qua hốt nhiên ngờ ngợ ngần. Ấy là chuyện lạ lùng nên Kiều đã dám nhờ Kim cho thấy tận mặt cây đàn thủy chung kia. Chẳng Kim nhận lời — Chương 6 viết : «Cây đàn của người loạn quân được về trong tay Kiều, đây là một cây đàn thiêng, cây đàn đã kể lể cho Kiều nghe về cuộc đời mình (tức là cuộc đời của gã loạn quân). Trọn cả đêm khuya, dần dà mới hỏi cây đàn duyên do (332). Đêm yên lặng, bên thoáng hương trầm, ai hoài theo từng giọt nước mắt — Từ hóa thân từ cây đàn, là anh linh hóa ánh tinh cầu (343) qua ảo tưởng của Kiều. Kiều được nghe Từ kể tông tích của mình.. » Thật là một câu chuyện quái gở vô cùng, quái gở đến độ như là tác giả muốn đánh lừa người đọc. Thật vậy, đây là một dụng tâm muốn đánh lừa khéo, đánh lừa khéo có nghĩa là gã loạn quân kia tác giả đã cho gặp một thiền sư, nên lòng gã mới được mở ra «lòng ta gió bão tan theo — mây hồng phơi phơi trên đèo hào quang» (431-432). Nếu xét trên phương diện nhất nguyên đại thừa thì đây là một giả danh. Vì cảnh giới tuyệt đối không phải là nơi để ngôn ngữ văn tự tỏ bày được. Nói như thế đáng cho là hăm hồ chăng ? Ta đọc tiếp chương 6 : «Từ quê ở Châu Phong giống dòng Lạc Long, nếp nhà thư kiếm, sanh ra giữa thời tao loạn, nên chiêu mộ nghĩa binh khởi quân cứu nước. Duyên trời đưa đến Từ gặp Trần Nguyên Mai cũng dòng thanh khí, thư đàn, binh năng đều vẹn cả (364). Vì một phút sa cơ, nghĩa binh Từ đã bị giặc bao vây, để cho Từ khỏi bận tâm, Trần Nguyên Mai đã trao lại cây đàn cho Từ rồi gieo mình xuống vực sâu tự vẫn. Lòng Từ chừng như tuổi lệ tuôn òa. Ngay đó xuất hiện một thiền sư dạy Từ là muốn xoay chuyển việc nước phải nhờ ở sức mạnh toàn thân huy hoàng (423-424) và chuyển cho Từ rõ lý không—không thanh âm đó mới là âm thanh (428). Rồi thiền sư biến mất, còn lại chiếc tượng treo trên cành (432). Đã hơn 20 năm Từ không quên lời dạy, nên toàn quét sạch cõi đau thương này (438). Rồi Từ mộng thấy Trần Nguyên Mai về khơi lại dũng khí cho Từ, bảo Từ phải phục binh. Nàng muốn xin đi theo chàng tận trận mạc. Nhưng Từ chối ngay, và bảo nàng ở nhà hâm binh rựn nóng chờ ngày chàng ném còn trở về». Để khế hợp với ảo tưởng của Kiều nơi chương

6. tác giả đã dựng lên một giấc chiêm bao cho Kim Trọng ở tiếp chương 7 : « Hai ngày sau Kim đến để kể lại điềm mộng đêm qua của mình cho Kiều nghe — Chàng lạc vào một động núi, hai bên đá lởm chởm cao, đầy sâu thẳm, có trăng, sương, mây, một đường treo lơ lửng vào khe (870). Chàng treo lên, thân liền rơi xuống vực như ngọn cỏ khô, chàng hết lớn, tỉnh dậy, không hiểu mộng ứng lẽ gì. Kiều ban — Từ sinh là cõi con người, cát hung đều do ở lòng mình cả, chắc là do vụ án hôm rồi, nên khiến chàng sahra ra ảo giác, biết đâu đó là điềm tốt để chàng gieo cái phúc cho mọi người. Là cha mẹ dân, cứ giữ diên tư bị là nghiệp, yên bình là công (901) Kim nguyên lòng vì đức sẽ quên thân mình». Chúng ta thấy rõ toàn là huyền tưởng. Mà đã là huyền tưởng thì chúng ta biết lấy gì để hình dung nó đây. Lịch sử Phật Giáo Thiền Tông đã cho biết cảnh giới vô thủy vô chung là vực sâu thẳm thẳm, yên yếu mình mình, thật đáng hãi hùng, do đó phải vắng theo đúng phương pháp chứng ngộ trực tiếp của Phật, dả phá vô mình chứng ngại tài mới đạt đến được. Nhưng sau khi đạt đến rồi, hiểu suốt rồi thì không còn lời nói, không còn ai hoải, tất cả đều dứt, cho nên tất cả chương 5 và 6 là những lời nói cuồng, vọng động, một việc làm phản lại đạo. Rồi vì quá mong cuộc đoạn trường của Kiều được mau giải ra khỏi cầu đau thương nên ở chương 8 tác giả lại nhanh tay vẽ nên một bức tranh ở vách tường chùa Giác Duyên không khác gì giấc mộng của Kim cả — Con hạc bước chân trên chiếc cầu treo lơ lửng, trong một non động âm u, hướng mắt vào mảnh trăng mây — Rồi ra, tác giả cứ dầm chân vào hỏa mù, mà cứ cho là lửa không nóng. Phải chăng đây là một mê chấp nặng nề. Dầu ta có biết, tư tưởng, văn tự và lời nói tuy khác nhau mà cùng một thể. Tư Tưởng là lời nói không có tiếng, văn tự là lời nói hữu hình và lời nói là tư tưởng. Có tiếng là văn tự vô hình, nhưng tất cả đều giả danh, đều vọng tưởng. Ta đồng ý với tác giả từ sanh là cõi con người, nhưng vì vọng tưởng nổi dậy, rồi biến hóa, nên nó là tương đối, mà tương đối không thể biểu thị tuyệt đối được. Đến như ông thầy Chùa Văn Chương ở chương 17 thì rõ là một ông thầy lêu lạo quá. Thầy ba gì lại « khi vui thơ rượu đàn ca » (2137) tối ngày chỉ biết nói chuyện hão với bọn đàng tử. Thế mà dám hi bô giảng lý Kinh Kim Cương, rõ là thời mạt pháp. Dựng nên ông thầy và Chùa Văn Chương chẳng khác nào để cho Kiều có nơi đạo cảnh chơi. Để rồi đến chương 22, ngay Kiều quay về cổ hương thì thầy Văn Chương liền làm thơ đưa

tiền Kiều đi — «bài thơ tiền biệt nhủ ai lên đường» (2914).
 Đứng là một ông thầy giả danh, còn nặng mùi sân si. Đến việc
 trả thù gã bán tơ ở chương 18, đây là một hành động ti tiện, dù
 cho ta thấy quả báo nhãn tiền, nhưng xét ở một người đã tự gọi
 là đại nhân mà lòng vẫn còn đầy những sân hận. Thầy Văn
 Chương đúng là một nhân vật chết, một nhân vật mượn đạo
 tạo đời văn chương. Phải nói rằng từ chương 11 trở đi các nhân
 vật chết được lần lượt lôi ra. Từ Ngó Khôi, Hồ ông, đến Ân
 Lan (con gái của Hồ ông, dù Lan đã có chồng mà Vương vẫn
 vương vấn như thương), tới họ Hồ (viên tổng đốc), anh chàng
 Văn Nhân (nổi hừng tom tọc một mạch truyện Đoàn Trường
 Tân Thanh của Nguyễn Du) vân-vân, đều rời rạc, lẻ loi, ấu sầu,
 bẽ lén, đứng trợ như tượng trong Đoàn Trường Vô Thanh.
 Xét nội dung của ĐTVT là một câu chuyện bịt mắt bắt bóng.
 Dem việc hóa thân ra để nói đó là một bất lực lớn đối với tác
 giả. Cho nên nó chỉ có giá trị ở những chương rời. Do đó ta
 đồng ý với tác giả khi gọi đó là thi tập. Còn hình thức thi
 chúng ta thử tưởng tượng với 3594 câu thơ mà đã có trên dưới
 hai ngàn hình ảnh (trên dưới 2.000) núi, non, chim, suối, hoa,
 cỏ, động, rừng, khói, sương, mây, trăng, lệ, nước, dân,
 hương... thì hỏi làm sao thơ không ước lệ, thơ không đẹp
 được ??? Thánh Thán có viết : «Độc Mai Tây tất phải bỏ ra nửa
 tháng một tháng, đọc cho kỹ càng. Đọc cho kỹ càng để tìm xét
 lấy những chỗ tử mỉ». Tôi đã đọc ĐTVT kỹ càng, tôi đã tìm
 xét tỉ mỉ và tôi nói Phạm Thiên Thư mới chỉ là bước đầu của
 người tài hoa, nhưng vì quá lạm dụng tài hoa của mình nên
 thơ Phạm Thiên Thư đã trở nên nhàm chán mau chóng.

Do đó, Ai nói Đoàn Trường Vô Thanh là thứ thơ ở
 trong lòng tất cả mọi đời người, kẻ ấy thật đáng tội.

(1) ĐTVT, nhà xuất bản Nền Hồng, Saigon 1972.

ĐỘC GIẢ VÀ TÁC PHẨM THI CA

Những Ghi Nhận sơ khởi này sẽ là bước đầu để tới những Phê Bình Thi Ca về một hay toàn bộ tác phẩm.

Dù ý kiến phát biểu chỉ là của riêng những người viết. Tập San Thi Ca chịu trách nhiệm về việc đang tải, do đó, sẵn sàng đề các tác giả lên tiếng. Xa hơn, Tập San cũng hy vọng sẽ là nơi mở ra những Trao Đổi giữa Độc Giả và Tác Giả về những vấn đề Đời Sống, Tác Giả, Nghệ Thuật...

T.S.T.C.

NGƯỜI HÀNH GIẢ VÀ KHÚC TRƯỜNG CA SINH TỬ

*Thơ của Ngô Nguyên Nghiêm
Bìa Lưu Nhữ Thụy. Sài Gòn,
Khai Phá, 1974. Dày 80 tr.
Khổ 12×18.*

Mọi vật, mọi hình ảnh trong thơ ông như sắp sửa cực cực, chuẩn bị để hút lấy nhau. Một thứ ánh sáng bạc màu lơ lửng giữa thực tại và hư ảo. Những trận gió va chạm lấy cảnh vật vang ra những ngôn ngữ, âm nhạc của mỗi thứ.

Thế giới trở nên những huyền lực dẫn dắt cảm quan của Thi Sĩ.

Không phải con người chiếm giữ vũ trụ mà những hành chất phù phép lấy tâm hồn. Họ chẳng, chỉ có làn hơi của con tìm bật ra những tiếng ca :

*Ba năm không bóng nhân gian đến
Ngoài đầu chân ta dưới cỏ mòn*

Những tiếng hát nửa ma quái nửa thần bí trên, ông gọi là *Khúc Trường Ca Sinh Tử*. Khúc trường ca không có mở hay đóng nhưng vẫn muốn đời vang vọng trong bóng mây trôi lá rụng, chim kêu, núi đá, trăng tàn...

Tập Thần Tiên và Thi Sĩ

Nhưng chúng ta từ khi làm những con người văn minh hầu như đã bị mất cái thính quan ấy, cũng như cảnh giới chung quanh đã bị mất đi nhiều cảnh khía, ý nghĩa.

Thiên nhiên chỉ còn có thể nói theo tiếng nói của con người. Tâm hồn chúng ta ngày một hao mòn, lưới biển, rung cảm theo những nhịp điệu cố định, cây cỏ cũng mất dần những huyền diệu.

Thi tập của ông, tiếp nối Thiên Thu Ca sẽ làm sống lại những rung động sơ khai trong mối con người chúng ta giữa thời buổi «Đền văn minh đốt cháy rụi bàn thờ» (Thơ Quách-Thoại). Cho nên, mặc dầu nguồn lực của Ngô Nguyên Nghiễm chưa đủ để đem ngôn ngữ và nhạc điệu bắt gặp trở nên Thi Ca qua một quá trình sáng tạo, vẫn có một giá trị đáng quý. Thế giới thi ca của ông lại đặc biệt nhất hiện nay, chúng ta có quyền hy vọng những tựu thành lớn...

HUYỀN THẠCH

ĐỜI MÃI Ở PHƯƠNG ĐÔNG

*Thơ của Du Tử Lê, Bia Thái Tuấn
Sài Gòn, Gìn Vàng Giữ Ngọc, 1974.
Dày 153 trang, khổ 11×19.*

HUYỀN THẠCH Dọc

Du Tử Lê là một tác giả có nhiều thuận lợi. Năm 1973 ông đã đoạt giải VHNT của Tổng Thống, thơ được phổ nhạc, diễn ngâm trên đài Sài Gòn, tác phẩm mỗi lần in đôi ba ngàn bản bởi một nhà phát hành năm nhiều thị trường sách vở, in ra lại được giới thiệu, ca tụng nồng nhiệt của các tạp chí văn nghệ nhật báo quen biết.

Đời Mãi Ở Phương Đông là tác phẩm mới nhất của ông cũng được ra đời trong những hoàn cảnh thuận lợi ấy... Với tác phẩm này, ông được ca tụng là đã làm mới thi ca hiện đại nhờ thay đổi chữ *em* bằng chữ *nhỏ* trong một bài viết chế bài sự ấu trĩ của các thi sĩ khác và tình trạng «mười mấy ngàn câu lục bát» được đồng loạt đăng tải ở nhiều nơi.

Sở dĩ người viết dài dòng về những sinh hoạt chung quanh vì chính những điều kiện ấy đã chi phối người sáng tác không ít. Ở lãnh vực nghệ thuật, hiển nhiên vóc dáng của mỗi

tác giả trong lòng độc giả được tạo nên ngoài tác phẩm còn là những cảnh sống, thái độ của các tác giả ấy trong cuộc đời.

Đời Mãi Ở Phương Đông được tác giả giới thiệu như là một thức tỉnh, một sự trở về với thiên nhiên phong phú và tươi mát đã bị đánh mất bởi cuộc sống. Phương Đông là một biểu hiện của nơi chốn ước vọng của thi sĩ. Với Du Tử Lê, ông là kẻ thuộc nội tình, và chỉ có tình yêu mới có thể đưa ông tới nơi chốn ấy.

Đọc giả theo dõi tiến trình Thi Ca của ông hiện nhiên phải thấy đây là một tác phẩm quan trọng của tác giả.

Thế nhưng qua suốt tập thơ, ngoài đôi dòng êm dịu hò hẹn, tác giả đã không đưa người đọc đi tới chỗ mong ước như lời tựa đầu tập. Ông chỉ lần quần trong cái chất Du Tử Lê sẵn có của Tay Gõ Cửa Đời, Thơ Du Tử Lê... Đó là những than thở : *rời em bỏ ta đi... , tiếc nuối ; tưởng cùng em hoan lạc, tắt ngấm chút lửa tàn, đứng lên nghìn tuyệt vọng... hay những suy tư trêu tượng về chân lý của tình yêu : Tình như một đường gươm và cuộc đời : phút cuối một vòng đua, ta nhận phần bại cuộc...*

Người ta thấy chất liệu chính của Du Tử Lê là tình yêu nhưng là một thứ tình lọc lừa nhiều gian dối của những người thành phố ưa làm dáng dấp và suy tư này nọ.

Còn chuyện đôi chữ em bằng chữ nhỏ (được ca tụng là làm mới thi ca) tôi có cảm tưởng đó chỉ là để tạo nên một cảm giác bình yên và bé bỏng cho những người tình không còn nhỏ trong những gian dối ấy.

Tôi yêu thích những vở về nhẹ nhàng như :

*Anh đã hứa em an lòng hơi nhỏ
Ta sẽ về tới chốn của thương yêu
Nơi sương sa như sữa suốt buổi chiều
Nơi mưa bụi xuống lòng nhau lấm tấm...*

Nhưng tiếc rằng những chất Phương Đông ấy quá ít. Phần lớn thơ ông bị trí óc làm khô hốc.

Trên đây tôi đã nói tới cái chất Du Tử Lê. Không phải ai làm thơ cũng dễ tạo được nét riêng biệt. Ông chỉ thành công về những cái riêng biệt ấy, đó là những bài thơ 4, 5 chữ

sử dụng nhiều điệp ngữ, mệt mỏi mà không dứt đoạn. vẫn tới tấp như sóng bủa vào bãi không :

Tìm nhau chim bồ nử

Tìm nhau hoa hạ cây

Tìm nhau ngày nắng gắt

Tìm nhau ngày mưa bay...

Tin tưởng ở lời tựa vào tập, đến cuối tập thơ người đọc chỉ có được một cảm giác chùng hững, và lại càng chùng hững hơn khi nhìn lại, những hào quang giả tạo vẫn tiếp tục được vẽ thêm. Và cuối cùng, sự thuận lợi mà Du Tử Lê có được thật là ửng phi.

YÊN TRIỆU TÂN THANH

Thơ của Lam Giang, nguyên tác Hán Văn

Tác giả tự dịch ra chữ Việt và Pháp

Sài Gòn, 1974. Dày 98 tr., khổ 13x20

Thực tại đau thương và đê nát hiện nay đã khiến một số đông các nhà thơ từ năm 1968 xoay qua lặn ngụp trong cõi siêu hình. Đó là những ảnh hưởng tất nhiên của hoàn cảnh xã hội vào văn chương. Như thế chúng ta hiện thiếu mất những tiếng thơ gắn liền với nỗi đau khổ của dân tộc, những văn thơ thiết tha với vận nước.

Một tác phẩm thiên cổ phải được chín mùi giữa lòng Quê Hương, dù nội dung chỉ nói toàn chuyện trời trăng mây nước. Tác giả của nó, nếu không có những suy nghĩ và hành động đúng với hoàn cảnh đang sống thì chẳng có thể nào viết nên được.

Không phải chúng ta không có những văn thơ tranh đấu hiện thực, nhưng tiếc thay những tác phẩm loại này, ngoài một số ít của vài tác giả có tài, phần đông đều yếu kém hoặc được sáng tác bởi những kẻ giả hình yêu nước.

Trong những tình cảnh như thế, Yên Triệu Tân Thanh quả là một tác phẩm hiếm hoi. Càng hiếm hoi và đáng nói hơn khi tác giả lại là một người đầu đã bạc phơ vẫn thăm mong làm một cái gì giúp cho đất nước bằng con đường sáng tác. Tác giả Lam Giang không xa lạ gì với chúng ta, nổi danh từ thời Tiền Chiến, uyên bác Hán, Pháp văn, rành rẽ thi pháp.